

BETON

6

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2012

MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	02
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	03
TÂM NHÌN VÀ SỨ MỆNH	06
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC	07
TỔ CHỨC NHÂN SỰ	08
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	18
CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU ĐÃ VÀ ĐANG THI CÔNG	20
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2012	23
CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN QUAN	25
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT	28
ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2012-2015	34
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2013	35
ĐÓNG GÓP CHIA SẺ CÙNG XÃ HỘI	37
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	38

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý nhà đầu tư, cổ đông, khách hàng và đối tác

Lời đầu tiên, thay mặt toàn thể CBCNV Công ty cổ phần Beton 6, tôi xin gửi đến toàn thể Quý vị cùng gia đình lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn niềm tin của Quý vị dành cho BETON 6 trong thời gian qua và chúng tôi mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ nhiều hơn nữa của Quý vị trong thời gian tới.

Beton 6 đang nỗ lực và phấn đấu trở thành công ty sản xuất bê tông và xây dựng hạ tầng hàng đầu tại Việt Nam. Beton 6 đang triển khai hàng loạt giải pháp như:

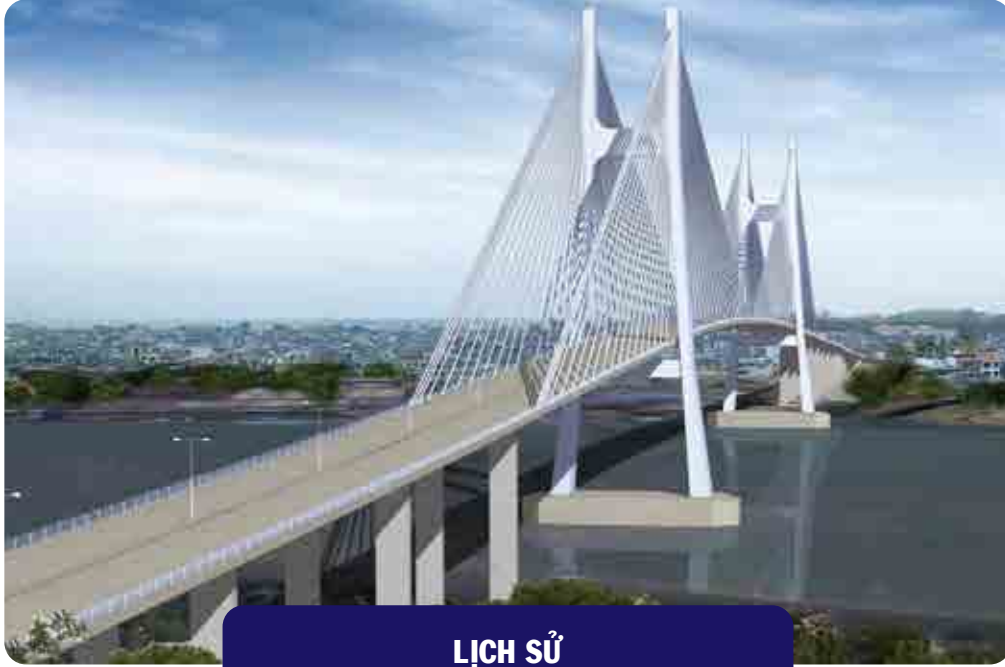
- Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy hoạt động theo hướng hiệu quả hơn.
- Cung cấp sản phẩm và dịch vụ đúng chất lượng và tiến độ.
- Cung cấp “giải pháp và kỹ thuật thi công”, “giải pháp tài chính”.
- Thể hiện “uy tín”, “chuyên nghiệp” và “trách nhiệm” trong công việc.

Beton 6 tiếp tục duy trì các mảng kinh doanh chính, nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm mới, tận dụng cơ hội mở rộng hợp tác đầu tư, ưu tiên khai thác thế mạnh và năng lực cốt lõi sẵn có.

Với quyết tâm và nỗ lực không ngừng của Hội đồng Quản trị, của Ban điều hành cùng toàn thể CBCNV, Beton 6 tin chắc sẽ không phụ niềm tin và kỳ vọng mà Quý vị dành cho Beton 6.

Xin cảm ơn và xin chào trân trọng!

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Công ty cổ phần Beton 6



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY BETON 6

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

- Tên giao dịch: Beton 6 Corporation
- Tên viết tắt: BT6 Corp.
- Mã chứng khoán: BT6

Nhà máy Bình Dương:

- Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, P. Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (84.650) 3751617
- Fax: (84.650) 3751628

Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Green Tower, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (84.8) 39 11 96 96
- Fax: (84.8) 39 11 92 92
- Email: info@beton6.com
- Website: www.beton6.com

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Xây dựng các công trình giao thông (cầu, cống, đường bộ, bến cảng). Nạo vét, san lấp mặt bằng, đào đắp nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn.
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng.
- Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông thường, bê tông tươi và bê tông siêu trường, siêu trọng.
- Xuất nhập khẩu vật tư nguyên liệu phụ tùng ngành giao thông xây dựng,
- Xây dựng công trình ngầm và thủy lợi...

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1958:

Được thành lập bởi Tập đoàn xây dựng RMK của Mỹ với tên gọi ban đầu là Công trường đúc dầm tiền áp Châu Thới, chuyên sản xuất các loại cầu kiện bê tông tiền áp (Dầm cầu BTCT tiền áp T12m50, T18m6, T24m70 và Cọc vuông BTCT 35cmx35cm) để xây dựng các cầu trên tuyến Xa lộ Sài Gòn – Biên Hòa, trên các quốc lộ và liên tỉnh lộ tại Miền Nam Việt Nam.

Từ 1975 đến 1992:

Được nhà nước tiếp quản và sát nhập vào Phân cục quản lý đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao Thông Vận Tải với tên gọi Xưởng Bê Tông Châu Thới trực thuộc Phân cục quản lý đường bộ Việt Nam- Cục Quản Lý Đường Bộ. Năm 1977, Bộ Giao thông Vận tải quyết định đổi Xưởng Bê Tông thành nhà máy Bê tông trực thuộc Phân cục quản lý đường bộ Việt Nam - Cục Quản Lý Đường Bộ. Trong thời kỳ này Nhà máy nghiên cứu & sản xuất thành công dầm tiền áp I.24m54, dầm I.33m.

Năm 1993:

Bộ giao thông vận tải quyết định thành lập công ty Bê tông 620 Châu Thới (trực thuộc Tổng Công Ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 6 (CIENCO 6) thuộc Bộ Giáo Thông Vận Tải. Công ty không ngừng phát triển thị trường cũng như sản phẩm mới. Đồng thời, công ty cũng phát triển mảng thi công xây lắp trực tiếp tại các công trình.

Năm 2000:

Công ty quyết định chuyển sang hình thức công ty cổ phần với tên Công Ty Cổ Phần Bê Tông 620 Châu Thới theo quyết định số 41/2000/QĐ-TTG ngày 28/03/2000 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Ngày 28-03-2000 Công ty quyết định chuyển sang hình thức Công ty Cổ phần theo quyết định số 41/2000/QĐ-TTG ngày 28-03-2000 của Thủ Tướng Chính Phủ với tên gọi là Công ty Cổ phần Bê Tông 620 Châu Thới.

Ngày 29-11-2000, Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất được tổ chức và sau đó Công ty đã tiến hành đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000013 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 05-01-2001. Từ đây, Công ty Cổ phần Bê Tông 620 Châu Thới chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần với tổng số vốn điều lệ đăng ký là 58.826.900.000 VNĐ. Ngày 28-08-2001, vốn điều lệ Công ty tăng lên 69.300.000.000 đồng.

Năm 2002:

Ngày 18-04-2002, cổ phiếu Công ty là một trong những cổ phiếu đầu tiên chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán (niêm yết tại HOSE). Ngày 08-11-2006, vốn điều lệ Công ty tăng lên 100.000.000.000 đồng. Ngày 20-11-2007, vốn điều lệ Công ty tăng lên 109.978.500.000 đồng.

Năm 2010:

Công ty thay đổi tên thành Công ty cổ phần Beton 6 & hệ thống nhận diện mới. Sự thay đổi này đánh dấu một cột mốc quan trọng: “Beton 6 nâng cao tầm nhìn chiến lược khi tham gia vào việc dự thầu & quản lý thi công; nâng cao chất lượng hiện tại; đầu tư sản phẩm mới; cung cấp các giải pháp thi công & giải pháp tài chính cho khách hàng sau một thời gian tích lũy kinh nghiệm thực tế & nắm bắt cơ hội chuyển giao công nghệ”.

Ngày 13/4/2011 vốn điều lệ của công ty tăng lên 329.935.500.000 đồng.

MỨC TĂNG TRƯỞNG VỐN ĐIỀU LỆ QUA CÁC NĂM

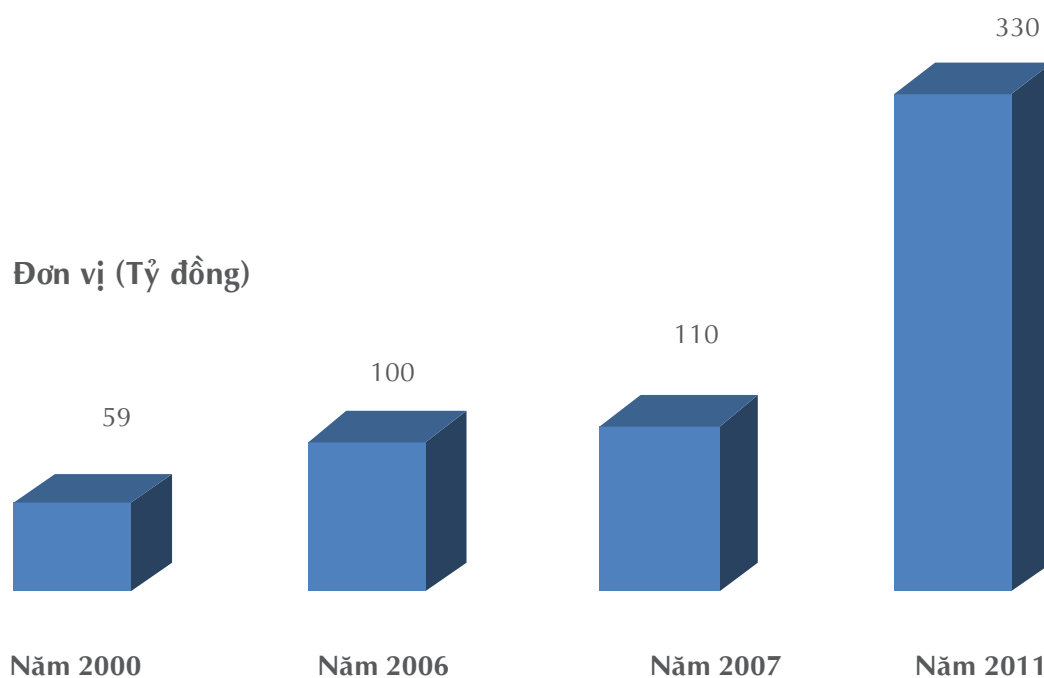
Từ năm 2000 đến 2011 Beton 6 đã có ba lần tăng vốn điều lệ

Việc tăng vốn điều lệ nhằm tăng cường năng lực tài chính, phù hợp với tình hình phát triển của Công ty đảm bảo cho Beton6 đủ điều kiện tham gia thi công đấu thầu và thi công các gói thầu lớn và đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Các đợt phát hành tăng vốn của Công ty thông qua hình thức:

- Phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu (chào bán cho cổ đông hiện hữu)
- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu
- Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG VỐN ĐIỀU LỆ





TÂM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

1. TÂM NHÌN

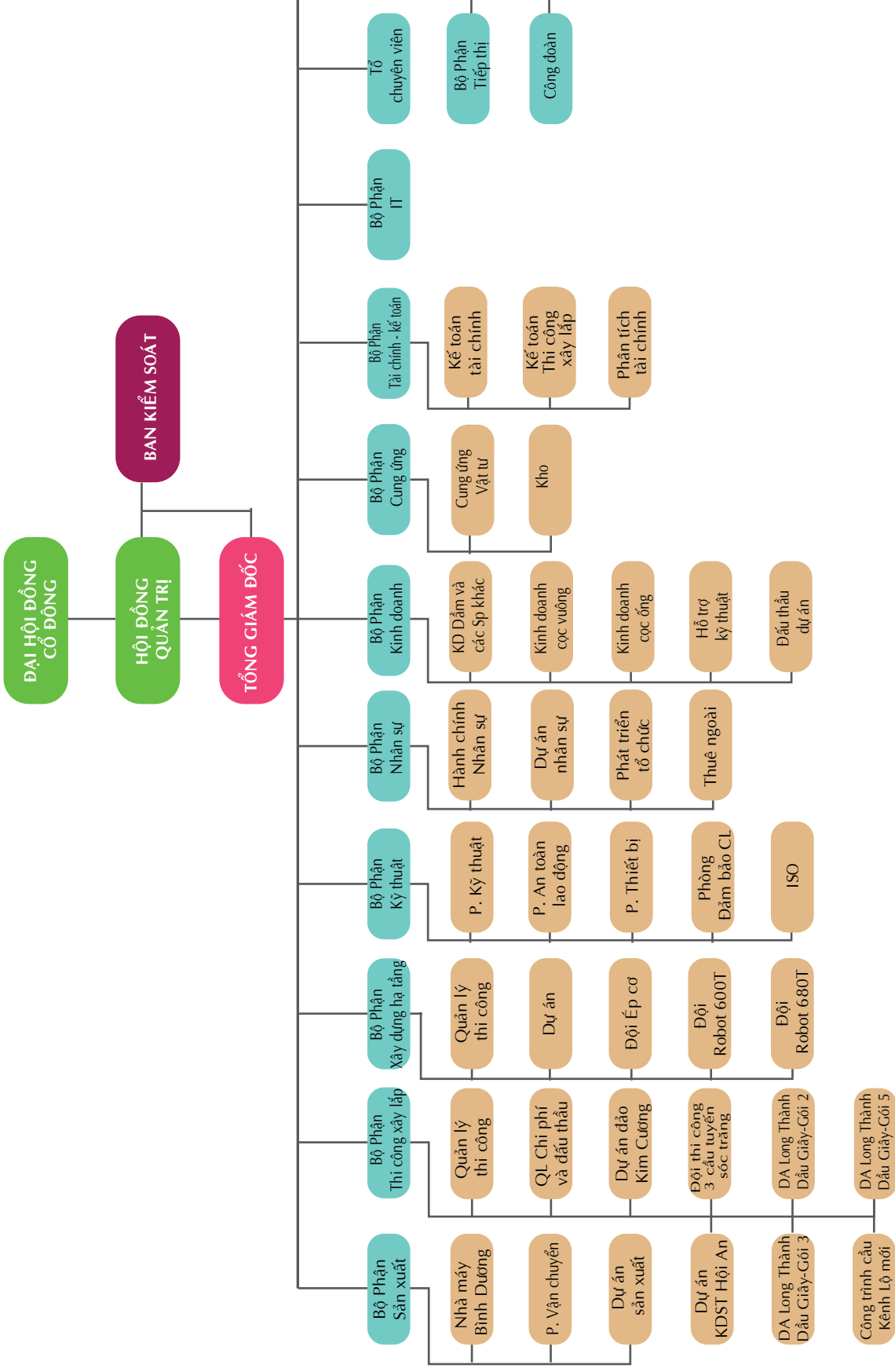
- Beton 6 - công ty sản xuất bê tông và xây dựng hạ tầng hàng đầu tại Việt Nam

2. SỨ MỆNH

- Cung cấp các sản phẩm Bê tông đa dạng với sự cam kết về quản lý chất lượng và dịch vụ.
- Cung cấp “giải pháp và kỹ thuật thi công”, “giải pháp tài chính” cho nhà đầu tư, nhà thầu và đối tác.
- Thể hiện sự “uy tín”, “chuyên nghiệp” và “trách nhiệm” trong vai trò nhà đầu tư, cung cấp sản phẩm, quản lý thi công hay là một đối tác kinh doanh trong các dự án xây dựng.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





TỔ CHỨC NHÂN SỰ

I - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Trung Hậu
Chủ tịch



Ông Hà Thanh Mẫn
Tổng Giám Đốc

- Sinh năm: 1958 tại TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - Năm 1982 tốt nghiệp đại học Bách Khoa.
 - Từ năm 1982 đến năm 1994: Công tác tại Công ty Xi măng Hà Tiên.
 - Từ năm 1994 đến tháng 10/2007: Công tác tại Công ty Liên doanh Xi măng Holcim.
 - Từ tháng 10/2007 đến nay: Giám đốc Kỹ thuật TNHH Vật liệu XD Việt Nam.
 - Từ 30/9/2009 đến nay: TGD Cty CP Beton 6; Thành viên HĐQT
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

- Sinh năm: 1964
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Kỹ sư cơ khí.
- Chức vụ: Tổng giám đốc
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.



Ông Hà Đức Bình
Ủy viên (độc lập không điều hành)

- Sinh năm: 1964 tại TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh, Ngoại thương, Tài chính
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - Từ năm 1985 đến năm 1999: Công tác tại Công ty Xi măng Hà Tiên 1
 - Từ năm 1999 đến tháng 8/2006: PGĐ Tài chính Cty LD Xi măng Holcim
 - Năm 2007: Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Đầu tư BTA
 - Năm 2008: TGD Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Việt Nam (VCM)
 - Từ 01/01/2009 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.



Ông Nguyễn Nam Thắng
Ủy viên (độc lập không điều hành)

- Sinh năm 1968 tại Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ô tô
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - 1991- 1992: Công tác tại T-275 Cục ô tô máy kéo trạm nguồn Bộ Quốc phòng
 - 1993- 1995: Kinh doanh xuất nhập khẩu tại CHLB Nga
 - 1995-1998: Giám đốc Công ty TNHH An Dân – Hà Nội
 - 1999-2001: Trưởng VPĐD Công ty XNK Vật tư đường biển tại CH Belarusia
 - 2002-2003: Trưởng VPĐD Tập đoàn MASAN tại Moscow (CHLB Nga)
 - 2003-2005: Phó Tổng Giám đốc Công ty Alexandra & Sophia (CHLB Nga)
 - 2005-2008: Phó Tổng Giám đốc Cty Cổ phần Bất động sản Bình Thiên An
 - 2009 đến nay: TGD Cty TNHH Vật liệu Xây dựng Việt Nam, Ủy viên HĐQT Cty CP VINAFCO
 - Từ ngày 07/4/2010 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.



Ông Trịnh Thanh Huy
Ủy viên (độc lập không điều hành)

- Sinh năm 1970 tại Thanh Hoá.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - Từ năm 1994 đến năm 2002: công tác tại tập đoàn Masan – Phó chủ tịch tại CH LB Nga
 - Từ năm 2003 đến tháng 2005: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty Thực phẩm AS
 - Từ 2005 đến nay: Chủ tịch kiêm TGD Công ty Cổ phần Bất động sản Bình Thiên An
 - Từ ngày 01/10/2009 đến nay: Thành viên HĐQT Cty Cổ phần Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

✳ **Trách nhiệm, quyền lợi của Hội đồng Quản trị Công ty:**

- Trách nhiệm và quyền lợi của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và quy định tại điều 20, chương VII Điều lệ Công ty.
- Hội đồng quản trị tham gia điều hành, chịu trách nhiệm trước cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo cổ tức năm 2011 do đại hội đồng cổ đông giao; Tham gia quản lý điều hành và lên kế hoạch nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác đã đề ra của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị được hưởng mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

✳ **Tỉ lệ sở hữu và những thay đổi trong tỉ lệ nắm giữ cổ phần:**

STT	Họ và tên	SỐ LƯỢNG (CP)					Tỉ lệ (%)	Ghi chú
		Cá nhân	Đại diện vốn NN	Đại diện tổ chức	Tổng cộng			
1	Nguyễn Trung Hậu	3.900	-	-	3.900	0,01%		
2	Hà Đức Bình	3.900	-	-	3.900	0,01%		
3	Trịnh Thanh Huy	4.599.588	-	-	4.599.588	13,94%		
4	Hà Thanh Mẫn	19.290	-	-	19.290	0,06%		



II - BAN KIỂM SOÁT



Ông Đào Minh Triết
Trưởng ban

- Sinh năm 1976 tại Cần Thơ.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 5/1999 - tháng 6/2000: Đại diện TM - VP Đại diện Tp. HCM - tập đoàn Marubeni (Bộ phận may mặc).
 - Từ tháng 7/2000 - tháng 7/2003: Trưởng nhóm – VP ĐD Tp. HCM – tập đoàn Mitsubishi (Bộ phận may mặc).
 - Từ tháng 01/2007 - tháng 02/2010: GD dự án – Bộ phận DV Ngân hàng Đầu tư – Cty CP Chứng khoán Sài Gòn.
 - Từ tháng 3/2010 đến nay: Trưởng Ban Tài chính đầu tư – Bộ phận R&D - Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Việt Nam (VCM)
 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Beton 6 kể từ ngày 16/4/2010.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không



Ông Trần Thanh Dũng
Ủy viên

- Sinh năm 1961 tại An Giang.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính, Cử nhân Luật.
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1984-1991: Kế toán tổng hợp Nhà máy Cơ khí Giao thông 623
 - Từ năm 1991-2004: Kế toán trưởng Cty Cơ khí Xây dựng Công trình 623
 - Từ năm 2004-2008: Phụ trách BKS Tổng Cty XD Công trình Giao thông 6.
 - Từ năm 2008 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Tổng Cty XD Công trình Giao thông 6.
 - Chức vụ tại các tổ chức khác: UV. HĐQT Cty CP Tranimexco, Cty CP Đầu tư & Phát triển Hạ tầng, Trưởng BKS Cty Tư vấn XD Công trình 625.
 - Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Beton 6 kể từ ngày 16/4/2010.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không



Ông Nguyễn Văn Đua
Ủy viên

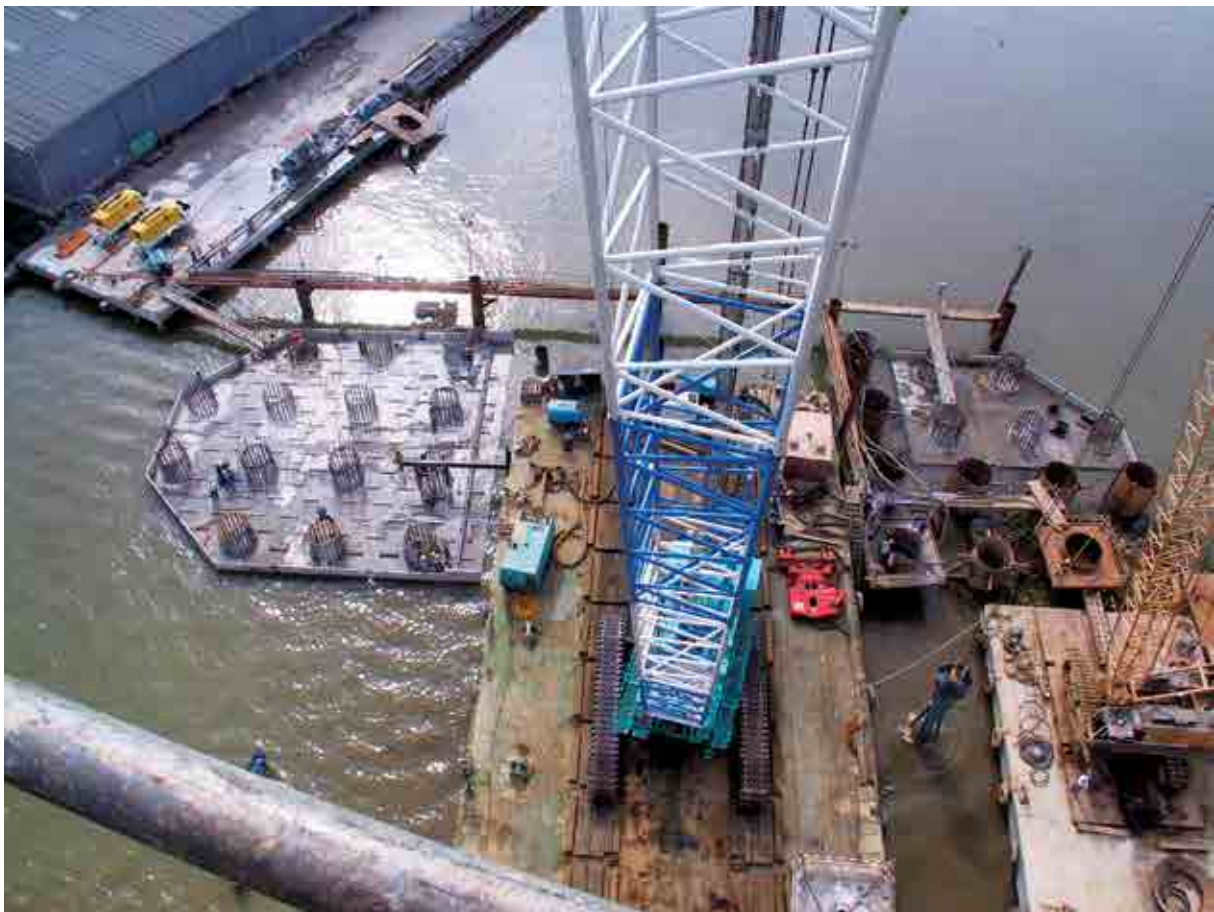
- Sinh năm 1978 tại Kiên Giang
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1998 –1999: Kế toán tổng hợp Cty CP CN Kỹ nghệ Thương mại Việt Tiến.
 - Từ năm 1999 –2003: Kế toán trưởng Cty CP Công nghiệp Kỹ nghệ Thương mại Việt Tiến.
 - Từ năm 2003 –2004: Kế toán trưởng Cty Liên doanh Chế biến Thực phẩm VITECFOOD.
 - Từ năm 2004 –2006: Kế toán trưởng Công ty Cp Bánh kẹo Biên Hòa (BIBICA).
 - Từ năm 2006 –nay: Kế toán trưởng Công ty CP Bất Động sản Bình Thiên An.
 - Từ năm 2007 –2009: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Thảo Điền.
 - Từ năm 2009 – nay: Kế toán trưởng Công ty BTA Development Investment (Vietnam)
 - Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Beton 6 kể từ ngày 16/4/2010.

✳ **Trách nhiệm và quyền lợi của Ban Kiểm soát Công ty:**

- Trách nhiệm và quyền lợi của Ban kiểm soát được quy định tại điều 31, chương X Điều lệ công ty.
- Ban Kiểm soát được quyền xem xét, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo tính chính xác và trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm bảo vệ quyền lợi của cổ đông.
- Ban kiểm soát đã có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty năm 2011, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát được hưởng mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

✳ **Tỉ lệ sở hữu và những thay đổi trong tỉ lệ nắm giữ cổ phần: Không có**



III - BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Hà Thanh Mẫn
Tổng Giám Đốc



Ông Trần Khắc Lợi
Phó Tổng Giám đốc

(Xem phần lý lịch tóm tắt của HĐQT)

- Sinh năm: 1962
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường; Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc phụ trách khối sản phẩm mới Cty CP Beton 6; Giám đốc Công ty Cổ phần BOT Cầu Phú Cường.
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.



Ông Phạm Đình Nhật Kỳ
Phó Tổng Giám đốc



Ông Trương Chí Nhân
Phó Tổng Giám đốc

- Sinh năm: 1955
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường; Quản trị kinh doanh
- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc phụ trách khối sản phẩm công nghiệp.
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

- Sinh năm: 1961 tại Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư.
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - Năm 1984: tốt nghiệp ĐHBK Tp.HCM.
 - Từ năm 1984-1997: công tác tại trường cao đẳng nghề Lý Tự Trọng - Tp. HCM
 - Từ năm 1997-2007: công tác tại Cty TNHH sản xuất Và Xây dựng Phan Vũ (Giám đốc Cty).
 - Từ 2007-2010: công tác tại Cty cổ phần Đầu tư Phan Vũ (phó TGD)
 - Từ tháng 8/2010 đến nay: công tác tại Cty CP beton 6 (phó TGD)
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Cty: không



Ông Lê Anh Thi
Giám đốc Tài chính

- Sinh năm: 1976 tại Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không
- Quá trình công tác:
 - 1998-2001: Công ty Kiểm toán & Tư vấn PricewaterhouseCoopers.
 - 2003-2004: Công ty Quản lý Quỹ Mekong Capital.
 - 2004-2005: CTCP Xây dựng Kiến trúc AA.
 - 2005-2008: Công ty Kiểm toán & Tư vấn PricewaterhouseCoopers.
 - 2008-2011: CTCP Chứng khoán Âu Việt.
 - 2011-2012: Công ty TNHH Quản lý Đầu tư BTA.
 - 2013 - nay: Công ty Cổ phần Beton 6.



Ông Lâm Chí Trung
Giám đốc Kinh doanh

- Sinh năm: 1975 tại Sài Gòn
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - Năm 1997: tốt nghiệp đại học Bách Khoa TP HCM
 - Từ năm 1998 đến năm 2005: Trưởng Bộ Phận Kế Hoạch Chuỗi Cung Ứng Công ty LD Xi măng Holcim
 - Từ năm 2005 đến tháng 2007: Trưởng Bộ Phận Khách Hàng Công ty Shell Việt Nam TNHH
 - Từ năm 2007 đến năm 2008: Trưởng Bộ Phận Chuỗi Cung Ứng Công ty TNHH VLXD Saint Gobain Việt Nam
 - Từ 2/2010 đến nay: Giám đốc Kinh Doanh Cty CP Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không



Bà Cao Thị Anh Ho
Giám đốc Nhân sự

- Sinh năm: 1966 tại Saigon
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - Năm 1993: tốt nghiệp đại học Tổng hợp Tp HCM
 - Năm 2009: tốt nghiệp thạc sĩ – Viện công nghệ châu Á Thái lan
 - Từ 8/1996 đến 2/2010: Giám đốc Nhân sự tại công ty Xi-măng Holcim Việt Nam
 - Từ 3/2010 đến nay: Giám đốc Nhân sự tại Cty CP Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không



Ông Trần Hoàng Dũng
Giám đốc Nhà máy Bình Dương

- Sinh năm: 1969 tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:
 - Năm 1994: tốt nghiệp đại học Sư phạm kỹ thuật TPHCM ngành cơ khí chế tạo máy
 - Từ năm 12/1994 đến năm 08/1996: công tác tại Nhà máy công nghệ kỹ thuật cao AMBBLIN - Singapore
 - Từ năm 08/1996 đến tháng 10/2010: công tác tại Công ty Xi măng Holcim
 - Từ tháng 11/2010 đến nay: Giám đốc nhà máy Bình Dương - Cty CP Beton 6
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không



- Sinh năm: 1978 tại Thanh Hà - Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kỹ thuật
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - Năm 2000 – Tốt nghiệp đại học Giao thông Vận tải
 - Từ năm 2000 đến năm 2003: Công tác tại Tổng cty XD Thăng Long
 - Từ năm 2003 đến năm 2005: Giảng viên trường đại học Giao thông Vận tải
 - Từ năm 2005 đến năm 2009: Nghiên cứu sinh tại trường kỹ thuật tổng hợp Darmstadt – CHLB Đức
 - Từ năm 2010 đến năm 2011: Công tác tại công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh Bình Dương – Becamex ITC
 - Từ năm 2011 đến nay: Công tác tại Công ty cổ phần Beton 6
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

✳ **Trách nhiệm, quyền lợi của Ban điều hành:**

- Theo quy định của pháp luật và quy định tại điều 26 chương VIII Điều lệ Công ty:
Hoạt động theo quy định của điều lệ, các quy chế của cty, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

✳ **Tỉ lệ sở hữu và những thay đổi trong tỉ lệ nắm giữ cổ phần:**

STT	Họ và tên	SỐ LƯỢNG (CP)				Ghi chú
		Cá nhân	Đại diện vốn NN	Tổng cộng	Tỉ lệ (%)	
1	Hà Thanh Mẫn	19.290	0	19.290	0,06%	
2	Trần Khắc Lợi	21.168	0	21.168	0,06%	

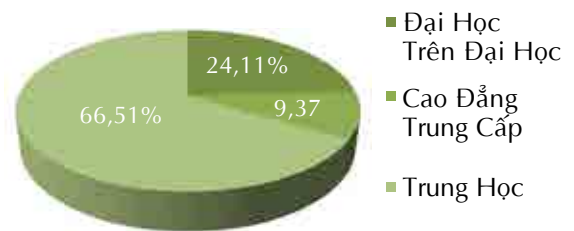
IV - TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NHÂN SỰ 2012

1. Lao động

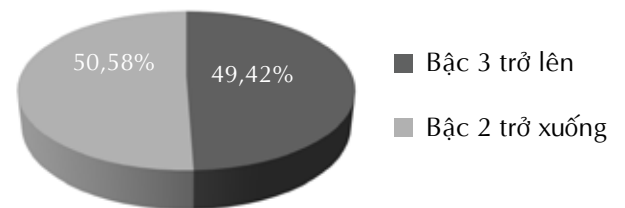
Số lao động tính đến 31/12/2012 là: 875 người

Trong đó:

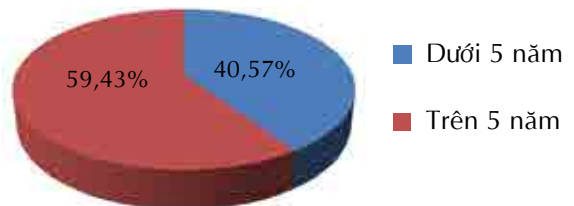
Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Đại học, trên đại học	211	24,11
Cao đẳng-Trung cấp	82	9,37
Trung học	582	66,51
Tổng cộng	875	100



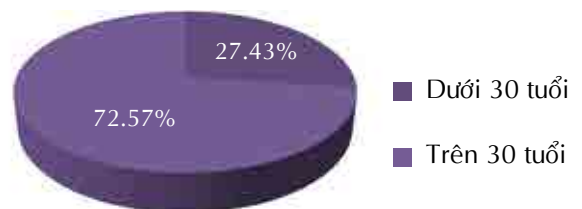
Bậc thợ	Số lượng	Tỷ lệ %
Bậc 3 trở lên	299	49,42
Bậc 2 trở xuống	306	50,58
Tổng cộng	605	100



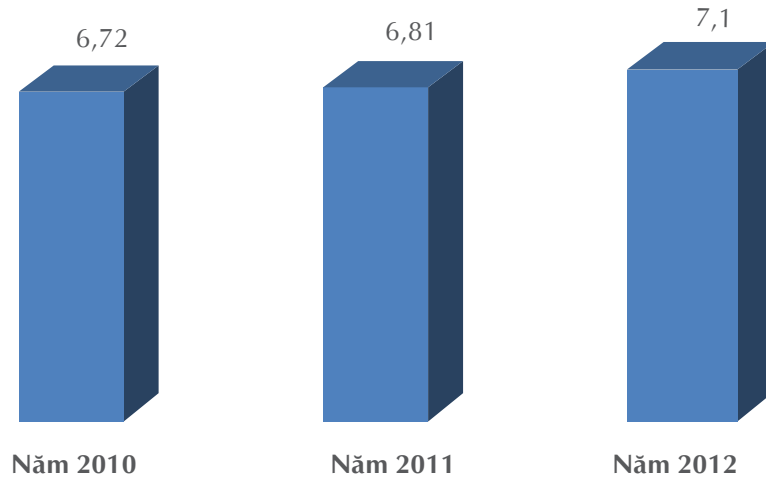
Thâm niên công tác	Số lượng	Tỷ lệ %
Dưới 5 năm	355	40,57
Trên 5 năm	520	59,43
Tổng cộng	875	100



Độ tuổi	Số lượng	Tỷ lệ %
Dưới 30	240	27,43
Trên 30	635	72,57
Tổng cộng	875	100



2. Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng):

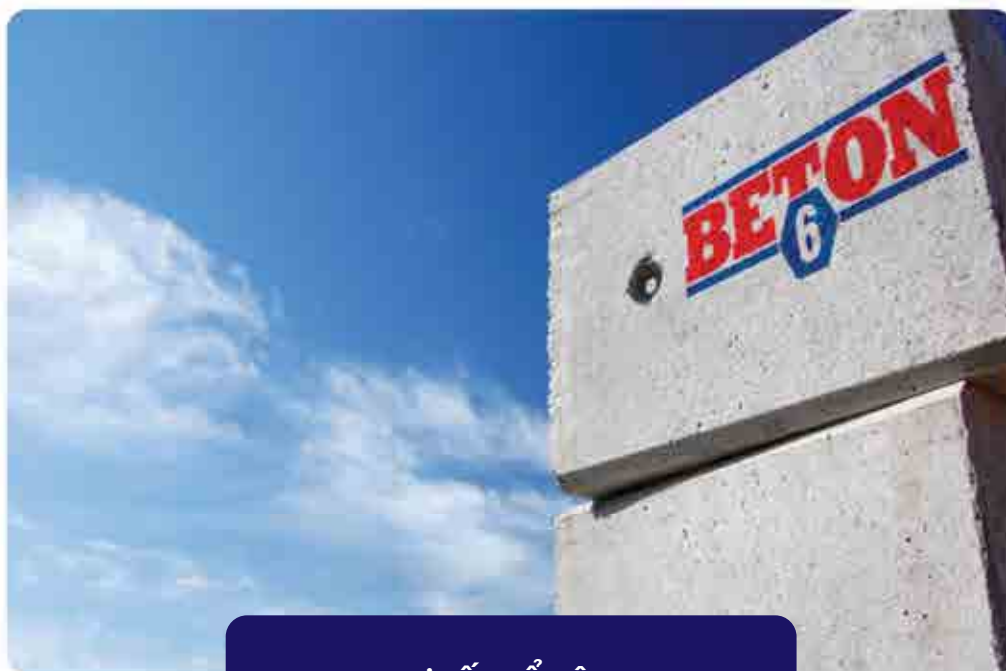


3. Các chính sách nhân sự 2012

1. Đơn giản hóa, tiêu chuẩn hóa và tối ưu hóa hệ thống quản lý hành chính - nhân sự
2. Xây dựng tiêu chuẩn năng lực chuyên môn
3. Xây dựng hệ thống quản lý mô hình lao động thuê ngoài và phát triển thương hiệu nhà tuyển dụng trên thị trường lao động
4. Đào tạo nguồn giảng viên nội bộ và thực hiện các chương trình đào tạo nội bộ
5. Cập nhật hệ thống bảng mô tả công việc cho 100% các vị trí công việc
6. Cải thiện tiện nghi cho nhân viên

• Các việc làm cụ thể :

1. Đã cải tiến các quy trình: tuyển dụng, kỷ luật, sức khỏe tuyển dụng, quản lý nhà thầu
2. Ban hành sổ tay nhân viên
3. Tổ chức ngày Hội tuyển dụng sinh viên tại trường Đại học Bách Khoa TP. HCM
4. Thiết kế các hạng mục thông tin để quảng bá thương hiệu nhà tuyển dụng trên website BT6
5. Thành lập hội đồng xây dựng tiêu chuẩn bậc thợ và xây dựng bộ tiêu chuẩn bậc thợ dựa theo bộ tiêu chuẩn bậc thợ của chính phủ
6. Tổ chức đánh giá lại bậc thợ (đánh giá giữ bậc) cho 100% công nhân
7. Triển khai chương trình đăng ký đào tạo nội bộ tại các bộ phận
8. Triển khai hướng dẫn xây dựng bảng mô tả công việc và cập nhật trên intranet
9. Mua bảo hiểm tai nạn và sức khỏe cho nhân viên với mức bồi thường dành cho điều trị nội trú và ngoại trú cao hơn năm trước.
10. Sửa chữa, cải tạo tiện nghi sinh hoạt: phòng y tế, nhà vệ sinh xưởng bảo trì



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

1 - Cơ cấu cổ đông đến ngày đăng ký cuối cùng 12/3/2013

Cổ đông	Trong nước		Nước ngoài		Cộng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1. Cổ đông nhà nước	1.956.903	5,93%	0	0,00%	1.956.903	5,93%
2. Cổ đông nội bộ	8.012.679	24,29%	0	0,00%	8.012.679	24,29%
Hội đồng quản trị	7.991.511	24,22%	0	0,00%	7.991.511	24,22%
Ban Giám đốc	21.168	0,06%	0	0,00%	21.168	0,06%
Ban Kiểm soát	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
3. Cổ đông khác	19.886.935	60,28%	3.137.033	9,51%	23.023.968	69,78%
Cá nhân	10.794.284	32,72%	443.330	1,34%	11.237.614	34,06%
Tổ chức	9.092.651	27,56%	2.693.703	8,16%	11.786.354	35,72%
Cộng	29.856.517	90,49%	3.137.033	9,51%	32.993.550	100,00%

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

- + Tổng số cổ phiếu phát hành: 32.993.550 cp
- + Tổng số cổ phiếu niêm yết: 32.993.550 cp
- + Cổ phần phổ thông: 32.993.550 cp

- Số cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ: Không.

- **Cổ tức:** Trong năm 2012 không chi trả cổ tức. Cổ tức đợt 1 năm 2011 (2,5% mệnh giá) đã được chi trả vào tháng 01/2013.

2 - Các dữ liệu thống kê về cổ đông: 911 cổ đông đại diện cho 32.993.550 cổ phần

	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần
- Cá nhân trong nước:	736 cổ đông, đại diện cho	15.442.130 cổ phần
- Cá nhân nước ngoài:	139 cổ đông, đại diện cho	443.330 cổ phần
- Tổ chức trong nước:	28 cổ đông, đại diện cho	14.414.387 cổ phần
<i>Trong đó Nhà nước:</i>		1.956.903 cổ phần
- Tổ chức nước ngoài:	8 cổ đông, đại diện cho	2.693.703 cổ phần

3 - Tình hình giao dịch của cổ đông lớn: (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)

STT	CỔ ĐÔNG	ĐHĐCĐ 2012		ĐHĐCĐ 2013	
		(ngày chốt DS: 21/3/2012)		(ngày chốt DS: 12/3/2013)	
		Vốn ĐL: 329.935.500.000 VNĐ		Vốn ĐL: 329.935.500.000 VNĐ	
		Số cp nắm giữ	Tỉ lệ	Số cp nắm giữ	Tỉ lệ
1	Trịnh Thanh Huy	4.599.588	13,94%	4.599.588	13,94%
2	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Tân Việt	3.364.833	10,20%	3.364.833	10,20%
3	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng và Xi măng HB	2.430.000	7,37%	2.430.000	7,37%
4	Cienco 6	1.956.903	5,93%	1.956.903	5,93%
5	AMFRASER SECURITIES PTE. LTD.	2.581.395	7,82%	0	0,00%
6	MAYBANK KIM ENG SECURITIES PTE. LTD	0	0,00%	2.581.395	7,82%
7	Đàm Tuấn Anh	5.471.640	16,58%	5.471.640	16,58%
8	Công ty TNHH MTV Đầu tư Xuyên Việt	6.662.388	20,19%	6.662.388	20,19%



CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU ĐÃ VÀ ĐANG THI CÔNG

Dự Án Cầu Mỹ Thuận

Cung cấp 60.000m³ bê tông tươi cho công trình. Sản xuất và vận chuyển 16.000m cọc BTCT 40x40cm cho việc thi công trụ và mố cầu. Sản xuất, vận chuyển và lắp đặt 220 dầm bê tông tiền áp Super Tee. Thi công 20 trụ và xà mũ, 2 mố cầu và bản tiếp cận, đóng cừ ván và thi công dầm mũ. Thi công mặt sàn cầu chính, sàn cầu dẫn, dây phân cách, lề bộ hành và thi công hoàn thiện mặt.



Dự Án Cầu Cần Thơ

Thi công mặt sàn cầu chính, dây phân cách, lề bộ hành và hoàn thiện mặt cầu. Cung cấp 350 dầm Super T & 95,000m³ bê tông tươi cho toàn bộ công trình

Dự Án Đường Cao Tốc Sài Gòn Trung Lương

Sản xuất , vận chuyển & lao phóng cấp 2254
dầm Super cho toàn bộ công trình.



Dự Án Cầu Phú Mỹ

Thi công mặt sàn cầu chính, dây phân cách, lề
bộ hành và hoàn thiện mặt cầu. Cung cấp 350
dầm Super T & 95,000m³ bê tông tươi cho toàn
bộ công trình

Dự Án Thi Công Xây Lắp: Đảo Kim Cương – Q2

Cung cấp 300.000m³ bê tông tươi, Thi công
đường ven sông, Thi công hệ thống bờ kè đảo,
Thi công cầu nối liền với đất liền.



Dự Án Nhà Máy Xi Măng Quảng Phú

San lấp mặt bằng, thi công toàn bộ nền móng, cảng & trạm nghiền xuất xi măng xuống tàu.



Dự Án Đường Cao Tốc HCM-Long Thành-Dầu Giây

Gói 2: Xây dựng Cầu Long Thành

Gói 3: Xây dựng 7 cầu trên trọn tuyến





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

1 - Nhận định chung:

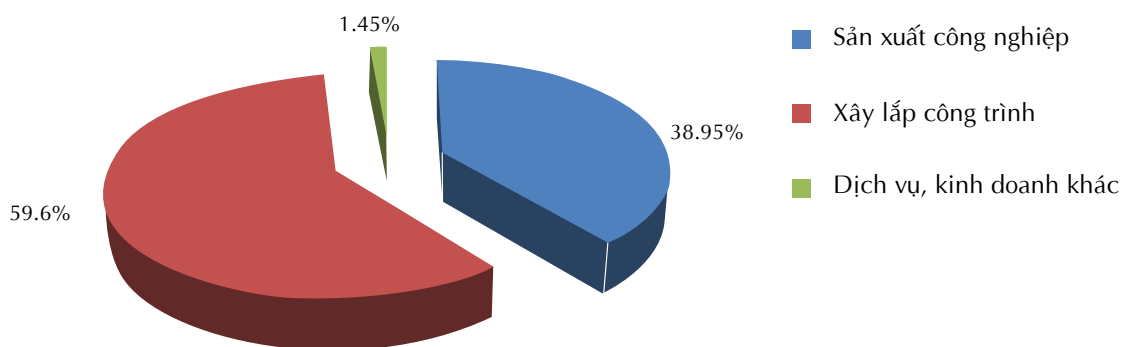
- Các dự án Bất động sản dừng hẳn hoặc đóng băng, chưa có dấu hiệu phục hồi; đang xảy ra hiện tượng bán tháo hàng, tình hình suy giảm chưa có điểm dừng.
- Các dự án hạ tầng cơ sở bị ảnh hưởng, phát triển chậm do chính sách đầu tư công của Chính phủ vẫn còn thắt chặt. Các dự án hạ tầng lớn đã được thông quan nhưng đang chờ sự khôi phục của nền kinh tế.
- Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước khó có thể mở rộng do bị giới hạn bởi chỉ tiêu an toàn nợ công và nguồn thu ngân sách được dự báo sẽ không có yếu tố tăng đột biến.
- Kinh tế không ổn định, lạm phát cao, bất ổn giá nhiên liệu.
- Luồng vốn đầu tư FDI dự báo có xu hướng giảm.
- Chính sách tiền tệ, ngân hàng không ổn định và đang diễn biến khá phức tạp. Nợ xấu ngân hàng rất cao.
- Xu hướng lãi suất giảm, các doanh nghiệp có thể tiếp cận nguồn vốn vay dễ hơn.
- Hoạt động đầu tư đang có tín hiệu khởi động lại. Các dự án lớn đang triển khai sản xuất đại trà.
- Các dự án hạ tầng có nguồn vốn vay nước ngoài tiếp tục triển khai.
- Một số nhà máy sản xuất cọc đang tạm dừng sản xuất.

2 - Kết quả hoạt động 2012:

Năm 2012, trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều khó khăn, với mục tiêu vì quyền lợi cổ đông, đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho CBCNV, với nhiệm vụ giữ gìn và phát triển thương hiệu, Hội đồng Quản trị cùng Ban điều hành đã nỗ lực vượt qua khó khăn và đạt kết quả sau

Chỉ tiêu	Thực hiện	Thực hiện	So sánh	Kế hoạch
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012
Doanh thu thuần	1.209	1.243	103%	1.400
Lợi nhuận trước thuế	63,4	64,5	102%	7% doanh thu
Lợi nhuận sau thuế	47,7	49,3	103%	-

3 - Cơ cấu trong doanh thu



4 - Hoạt động đầu tư (Liên quan đến các khoản đầu tư lớn trong năm)

Đầu tư vào công ty con 2 tỉ đồng:

- 620 Miền Trung (1,5 tỉ đồng) và
- Xây Dựng Giao Thông Beton 6 (0,5 tỉ đồng).

Đầu tư cho hoạt động kinh doanh:

- Đầu tư nhà xưởng 6,2 tỉ đồng
- Đầu tư dụng cụ quản lý 2,5 tỉ đồng

Thanh lý các khoản đầu tư:

- Thanh lý Cosevco: 67,4 tỉ đồng
- Thanh lý khoản đầu tư tại Bê tông Ly tâm Dung Quất: 5,3 tỉ đồng.

5 - Các chỉ số tài chính của công ty năm 2012

Khả năng sinh lời:	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tỷ suất lợi nhuận ròng trên doanh thu	9,6%	4,0%	4,0%
Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu	15,5%	18,6%	14,9%
Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng TS (ROA)	8,4%	2,9%	3,1%
Tỷ suất lợi nhuận ròng trên VCSH (ROE)	20,7%	10,7%	10,2%
Khả năng thanh toán:			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	1,16	1,04	1,04
Khả năng thanh toán nhanh	0,96	0,73	0,71
Giá trị sổ sách tại 31/12 (Đồng/cổ phần):	40.626	13.592	14.577

CÁC CÔNG TY CON & CÔNG TY CỔ LIÊN QUAN

1 - Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty BeTon 6: KHÔNG CÓ.

2 - Các công ty con

Tên Công ty	Tỉ lệ phần sở hữu
Công ty CP Bê tông Ly tâm 620	99,9%
Công ty CP Bê tông Ly tâm Dung Quất	73,7%
Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Tân Uyên Fico	57,6%
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Bình Châu	60,0%
Công ty CP Beton 6 Miền Trung	51,0%
Công ty CP Xây dựng Giao thông Beton 6	51,0%

3- Các công ty liên kết

Tên Công ty	Tỉ lệ phần sở hữu
Công ty CP Bê tông 620 Bình Minh	20,8%
Công ty CP Bê tông 620 Long An	38,1%
Công ty CP Xây dựng 620 Bến Tre	45,0%
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	20,0%
Công ty TNHH Thi công Cơ giới Châu Thới	30,0%
Công ty CP Đầu tư Phát triển 620 Hậu Giang	39,9%
Công ty CP Đầu tư Phát triển 620 ĐắkLak	49,9%
Công ty CP Vật liệu Xây dựng Sao Phương Nam	39,9%

4- Tóm tắt hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty con năm 2012

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh chính	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản
1	Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620	Sản xuất cấu kiện bê tông.	3,00	(2,69)	31,40	41,59
2	Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico	Khai thác và chế biến khoáng sản.	53,22	(0,67)	55,72	105,75
3	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu	Thiết kế, giám sát thi công, tư vấn quản lý dự án công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp.	1,49	0,03	1,38	1,91
4	Công ty cổ phần Beton 6 Miền Trung	Sản xuất cấu kiện bê tông, xây dựng công trình cầu đường.	2,77	(0,93)	9,37	42,84
5	Công ty cổ phần xây dựng giao thông Beton 6	Sản xuất cấu kiện bê tông, xây dựng công trình cầu đường.	-	(0,28)	(0,40)	3,10
6	Công ty CP Bê tông Ly tâm Dung Quất	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bê tông công nghiệp	37,62	(13,72)	7,56	86,72



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1 - Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

- Thành viên, quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT do Luật pháp, Điều lệ, các Quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông quy định.

2 - Tóm tắt hoạt động của HĐQT

a - Tình hình nhân sự:

- Ngày 18/04/2012, HĐQT thông qua đơn từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT của Ông Nguyễn Hùng và bổ nhiệm Ông Nguyễn Trung Hậu thay thế. Nội dung này đã được thông qua tại ĐHCĐ năm ngoài vào ngày 20/04/2012.
- Ngày 26/09/2012, HĐQT thông qua đơn từ nhiệm chức vụ Ủy viên HĐQT của Ông Nguyễn Hùng.
- Ngày 07/03/2013, HĐQT bổ nhiệm Ông Hà Thanh Mẫn làm thành viên HĐQT mới (thay vào vị trí đang khuyết do Ông Nguyễn Hùng từ nhiệm). Việc bổ nhiệm này sẽ được thông qua ĐHCĐ sắp tới theo đúng qui định của Điều lệ Công ty.
- Hội đồng quản trị hiện nay gồm:
 1. Ông Nguyễn Trung Hậu / Chủ tịch
 2. Ông Hà Đức Bình / Ủy viên
 3. Ông Nguyễn Nam Thắng / Ủy viên
 4. Ông Trịnh Thanh Huy / Ủy viên
 5. Ông Hà Thanh Mẫn / Ủy viên

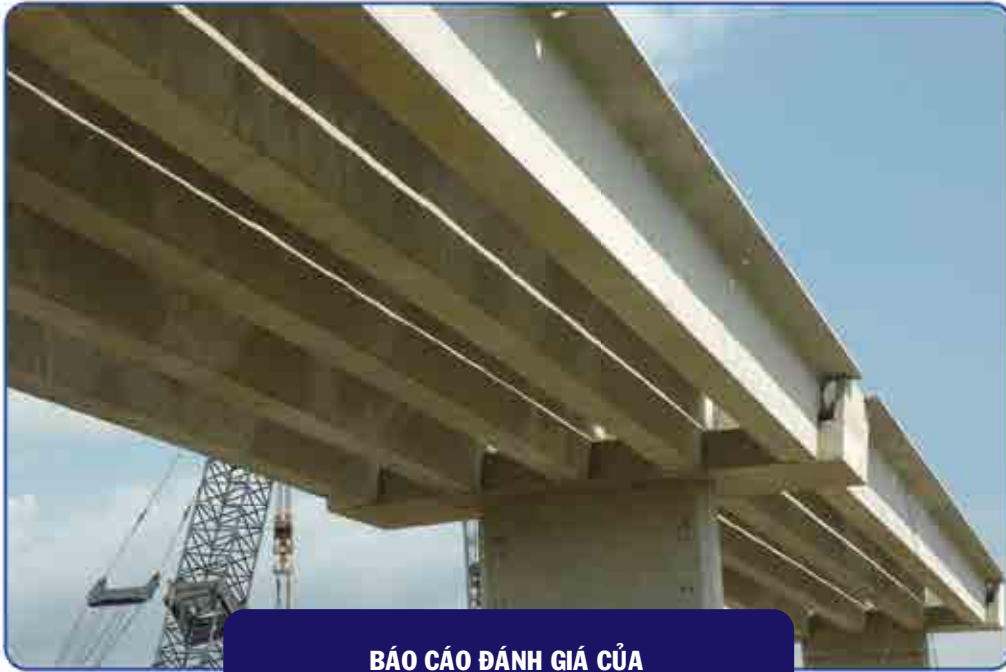
b - Các biên bản và nghị quyết họp của HĐQT

STT	Biên bản- Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	128/BBH-HĐQT-BT6	20/02/2012	- Họp bàn và thông qua việc thay đổi người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Bê tông 620 Bình Minh.
2	129/BBH-HĐQT-BT6	29/02/2012	- Họp bàn và thống nhất kế hoạch tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 (ngày chốt danh sách cổ đông, thời gian và địa điểm tổ chức đại hội).
3	130/BBH-HĐQT-BT6	14/3/2012	- Họp bàn và thông qua hạn mức vay tại BIDV – Chi nhánh Gia Định.
4	132/BBH-HĐQT-BT6	18/4/2012	- Họp bàn và thông qua việc từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT của ông Nguyễn Hùng; Đề xuất ông Nguyễn Trung Hậu thay thế ông Nguyễn Hùng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT.
5	133/BBH-HĐQT-BT6	19/4/2012	- Họp bàn và thông qua nội dung chương trình tổ chức đại hội đồng cổ đông 2012.
6	136/BBH-HĐQT-BT6	26/4/2012	- Họp bàn và thông qua việc đề xuất Ngân hàng Eximbank cấp hạn mức tín dụng vay và bảo lãnh.
7	139/BBH-HĐQT-BT6	02/7/2012	- Họp bàn và thông qua việc đề xuất Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh 1 TP. HCM cấp hạn mức tín dụng vay và bảo lãnh.
8	140/BBH-HĐQT-BT6	17/7/2012	- Họp bàn và thông qua việc giảm tỉ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty CP Beton 6 Miền Trung từ 85% xuống còn 51%.
9	141/BBH-HĐQT-BT6	18/7/2012	- Họp bàn và thông qua việc thành lập Viện Công nghệ Xây dựng Beton 6.
10	142/BBH-HĐQT-BT6	17/6/2012	- Họp bàn và thông qua việc đề xuất Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Nam Sài Gòn cấp hạn mức tín dụng vay và bảo lãnh.
11	143/BBH-HĐQT-BT6	30/6/2012	- Họp bàn và thông qua việc cử người đại diện phần vốn góp của Beton 6 tại Công ty CP BOT Cầu Rạch Miễu.
12	146/BBH-HĐQT-BT6	30/8/2012	- Họp bàn và thông qua việc thoái vốn 100% phần vốn góp tại hai công ty: Công ty CP Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi và Công ty CP Bê tông Ly tâm Dung Quất.
13	147/BBH-HĐQT-BT6	26/9/2012	- Họp bàn và thông qua việc từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT của ông Nguyễn Hùng.
14	148/BBH-HĐQT-BT6	26/12/2012	- Họp bàn và thông qua việc trả cổ tức đợt 1 năm 2011.
15	149A/BBH-HĐQT-BT6	25/12/2012	- Họp bàn và thông qua việc thay đổi Tổng giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật.

Đại hội năm ngoài ngày 20/04/2012, toàn thể cổ đông nhất trí thông qua 02 kế hoạch sau:

- Kế hoạch phát hành cổ phiếu cho CBCNV, và
- Kế hoạch phát hành 1.000 tỷ đồng trái phiếu cho 04 dự án trọng điểm

Song, do bối cảnh kinh tế chung không thuận lợi cho nên HĐQT quyết định tạm ngưng 02 kế hoạch này.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên tài khóa 2012 tổ chức ngày 12/04/2013, tại Hội trường Công ty Cổ phần Beton6 những nội dung như sau:

I- Kết quả thẩm định và đánh giá của BKS về Báo cáo tài chính năm 2012:

- Căn cứ số liệu báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Beton6 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán A&C, BKS ghi nhận số liệu báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- Kết thúc năm tài chính 2012, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Beton6 như sau:
 - Năm 2012, doanh thu của Công ty đạt 1,242 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế năm 2012 đạt 64 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 49 tỷ đồng
 - Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong ba năm gần nhất:

CHỈ TIÊU	2010	2011	2012
I. Khả năng thanh khoản			
1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	1.16	1.04	1.04
2. Khả năng thanh toán nhanh	0.96	0.73	0.71
II. Năng lực hoạt động			
1. Vòng quay hàng tồn kho	6.54	4.11	2.95
2. Thời gian tồn kho bình quân	55.82	88.74	123.83
3. Vòng quay khoản phải thu	2.90	2.41	2.07
4. Vòng quay khoản phải trả	8.32	6.61	3.91
5. Vòng quay TSCĐ	12.96	8.34	5.66
6. Vòng quay tổng tài sản	1.09	0.88	0.76

CHỈ TIÊU	2010	2011	2012
III. Cơ cấu tài chính			
1. Tỷ số nợ	59%	73%	70%
2. Hệ số nợ/VCSH	146%	267%	233%
3. Hệ số Nợ/VĐL	594%	364%	339%
IV. Khả năng sinh lời			
1. Tỷ suất Lợi nhuận ròng trên Doanh thu	10%	4%	4%
2. Tỷ suất Lãi gộp trên Doanh thu	16%	19%	15%
3. Tỷ số Lợi nhuận ròng trên Tài sản (ROA)	8%	3%	3%
4. Tỷ số Lợi nhuận ròng trên VCSH (ROE)	21%	11%	10%
V. Hiệu quả kinh doanh			
1. Tỷ số GVHB trên Doanh thu thuần	84%	81%	85%
2. Tỷ số CPBH trên Doanh thu thuần	0.17%	0.36%	0.35%
3. Tỷ số CPQL trên Doanh thu thuần	5.28%	5.23%	4.23%
4. Thu nhập trên mỗi cổ phần (đồng)	8,397	1,447	1,493
5. Giá trị sổ sách một cổ phần (đồng)	40,626	13,592	14,577

Do kết quả kinh doanh (doanh thu, lợi nhuận) năm 2012 và 2011 khác biệt không nhiều nên các chỉ số gần tương tự nhau giữa hai năm.

Nhóm chỉ số cơ cấu tài chính được cải thiện hơn so với năm trước. Các chỉ số về khả năng sinh lời tương đương hoặc giảm nhẹ so với năm 2011, chỉ số lãi gộp/doanh thu giảm do giá vốn tăng so với năm 2011.

Công ty quản lý tốt nhóm chi phí bán hàng và chi phí quản lý tính trên doanh thu trong năm, tuy nhiên giá vốn hàng bán/ doanh thu lại cao hơn năm 2011. Lợi nhuận sau thuế tăng 3% nên thu nhập trên mỗi cổ phần tăng nhẹ so với năm 2011. Giá trị sổ sách một cổ phần cũng tăng so với năm trước.

II - Kết quả thẩm định và đánh giá của BKS về tình hình hoạt động của Công ty:

1- Hoạt động kinh doanh:

Năm 2012 Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận so với kế hoạch được ĐHCĐ năm 2011 đề ra, cụ thể như sau:

Doanh thu	Thực hiện (TH)	Kế hoạch (KH)	TH/KH
Doanh thu hoạt động xây dựng	740,684,624,772	760,000,000,000	97%
Doanh thu sản phẩm bê tông	484,194,621,853	600,000,000,000	81%
Doanh thu khác	17,721,302,551	40,000,000,000	44%
Tổng doanh thu	1,242,600,549,176	1,400,000,000,000	89%
Lợi nhuận trước thuế	64,465,042,968	98,000,000,000	66%

So với kế hoạch được Đại hội đồng Cổ đông năm 2011 phê duyệt, mức tổng doanh thu đạt 89%, mức lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 66%.

So với năm 2011, doanh thu và lợi nhuận sau thuế 2012 tăng nhẹ 3% so với năm 2011. Chi tiết như sau:

Doanh thu	2012	2011	Tăng/Giảm
Doanh thu hoạt động xây dựng	740,684,624,772	620,402,621,360	19%
Doanh thu sản phẩm bê tông	484,194,621,853	507,819,799,771	-5%
Doanh thu khác	17,721,302,551	80,614,673,886	-78%
Tổng doanh thu	1,242,600,549,176	1,208,837,095,017	3%

Giá vốn	2012	2011	Tăng/Giảm
Giá vốn của hoạt động xây dựng	630,821,130,939	492,028,253,988	28%
Giá vốn của sản phẩm bê tông	403,418,736,240	422,562,864,240	-5%
Giá vốn khác	22,843,776,165	70,435,161,812	-68%
Tổng giá vốn	1,057,083,643,344	985,026,280,040	7%
Lợi nhuận sau thuế	49,252,097,846	47,753,305,880	3%

- Trong năm Công ty đã thanh lý toàn bộ cổ phiếu đầu tư ngắn hạn giá trị 67,3 tỷ và đã thu hồi 89 tỷ nợ và lãi cho vay. Điều này giúp Công ty tăng nguồn vốn cho hoạt động.

- Khoản phải thu của khách hàng giảm nhẹ 1% so với năm 2011, chi tiết như sau:

	2012	2011	Tăng/Giảm
Hoạt động xây lắp	326,744,857,758	291,235,585,683	12%
Sản phẩm bê tông	152,869,371,063	178,902,095,905	-15%
Hoạt động thương mại	54,839,757,394	70,636,454,286	-22%
Tổng cộng	534,453,986,215	540,774,135,874	-1%

- Khoản phải thu khác tăng mạnh từ 22 tỷ từ đầu năm lên 106 tỷ (tăng 379%), chủ yếu từ các khoản như: chuyển nhượng vốn 74 tỷ đồng, lãi cho vay 12,5 tỷ đồng ...

- Trong năm không có trích lập bổ sung khoản dự phòng phải thu khó đòi. Công ty đã hoàn nhập dự phòng được gần 2 tỷ đồng.

- Giá trị hàng tồn kho cao hơn 2% so với năm 2011, có sự thay đổi trong các khoản mục, như sau:

	2012	2011	Tăng/Giảm
Nguyên liệu, vật liệu	27,339,382,864	102,111,935,101	-73%
Công cụ, dụng cụ	1,092,450,621	2,648,025,291	-59%
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	228,179,129,906	141,348,763,012	61%
Thành phẩm	108,306,545,629	110,673,846,419	-2%
Hàng hóa	1,530,841,207	924,221,878	66%
Tổng cộng	366,448,350,227	357,706,791,701	2%

Nổi bật là tồn kho NVL giảm mạnh 73% so với năm trước tuy nhiên tồn kho ở dạng dở dang lại tăng 61% nên về tổng thể lại tăng 2% so với năm 2011. Trong năm chỉ trích lập thêm 366 triệu dự phòng giảm giá hàng tồn kho nên tổng dự phòng không thay đổi nhiều so với năm 2011, là 3,5 tỷ đồng.

Doanh thu năm 2012 tăng 3% so với doanh thu năm 2011 thể hiện sự nỗ lực của Công ty trong tình hình kinh tế chung và toàn ngành xây dựng gặp khó khăn trong năm 2012. Tuy nhiên, giá vốn, đặc biệt là giá vốn hoạt động xây dựng tăng đáng kể và việc bị chiếm dụng vốn kéo dài dẫn đến thanh khoản kém, làm tăng chi phí hoạt động, cụ thể là lãi vay làm ảnh hưởng đến lợi nhuận cả năm.

2- Hoạt động đầu tư:

- Tình hình đầu tư TSCĐ:

Khoản mục	Mua trong năm	Tỷ lệ
Nhà cửa, vật kiến trúc	35,000,000	2%
MMTB	539,218,182	27%
Thiết bị vận tải	981,520,000	49%
Dụng cụ quản lý	428,150,000	22%
Tổng cộng	1,983,888,182	100%

Đầu tư TSCĐ trong năm chỉ khoảng 2 tỷ đồng. Đây là các khoản thiết yếu nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh. Xét trên tình hình chung chưa có gì khả quan thì việc đầu tư mua sắm này là hợp lý.

- Tình hình đầu tư dự án:

Tương tự công tác đầu tư cho tài sản cố định, do Công ty chủ trương tập trung vốn cho hoạt động kinh doanh nên trong năm chỉ phát sinh 6 tỷ đồng xây dựng cơ bản dở dang cho dự án Long Hậu, do môi trường kinh doanh chưa thuận lợi nên không phát sinh thêm cho dự án này. Ngoài ra, khoản XDCB dở dang 8.5 tỷ đồng cho công trình mở rộng bãi đà chưa nghiệm thu nên chưa kết chuyển vào tài sản để trích khấu hao.

- Tình hình đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết trong năm: giảm 17 tỷ đồng (127 tỷ đồng vs 144 tỷ đồng)

Trong năm, Công ty đã thoái vốn tại Công ty Ly tâm Dung Quất và do đó chuyển phần vốn tại Công ty cổ phần 620 Quảng Ngãi sang hình thức công ty liên doanh liên kết. Ngoài ra, trong năm Công ty đã góp 1,5 tỷ đồng vào công ty Beton6 Miền Trung (5% vốn điều lệ) và còn phải góp thêm 8,7 tỷ đồng để đạt 51% theo kế hoạch; góp 500 triệu đồng vào công ty Xây dựng Giao thông Beton6 (2,5% vốn điều lệ), còn góp thêm 9,7 tỷ đồng để đạt 51% vốn.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết có tăng so với năm 2011 nhưng không phải đầu tư thêm mà do thay đổi cách phân loại, cụ thể như sau:

- + 620 Quảng Ngãi: tăng 13,7 tỷ đồng do chuyển từ khoản mục công ty con sang công ty liên doanh liên kết.
- + 620 Đồng Tâm: giảm 4,9 tỷ đồng do công ty 620 Đồng Tâm tăng vốn điều lệ nhưng BT6 không tham gia nên tỷ lệ sở hữu bị giảm từ 24,74% xuống 16,5%, và được phân loại vào khoản mục “đầu tư dài hạn khác”.

Khoản đầu tư dài hạn khác tăng 4,9 tỷ đồng do thay đổi cách phân loại cho khoản đầu tư vào công ty 620 Đồng Tâm.

Tình hình trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn: trong năm không phát sinh trích lập thêm và được hoàn nhập dự phòng 1,3 tỷ đồng.

3- Tình hình nhân sự:

Trong năm 2012, số lượng nhân viên chính thức của Công ty là 875 so với 997 người trong năm 2011. Quỹ khen thưởng phúc lợi trích lập trong năm tăng 3,3 tỷ; chi trong năm 7,8 tỷ cho người lao động và ban điều hành.

4. Tình hình cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành hiện tại là 32,9 triệu cổ phiếu. Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS) năm 2012 đạt 1.493 đồng/cp, tăng 3% so với EPS của năm 2011 là 1.447 đồng/cp. Cổ tức 5% của năm 2011 được thanh toán làm 2 đợt. Đợt 1 đã thanh toán vào tháng 01/2013 với tỷ lệ 2,5% vốn điều lệ. Đợt 2 sẽ được thông báo trong ĐHCĐ 2012.

5- Tình hình thực hiện các nghị quyết HĐQT:

- Nhượng bớt 34% vốn tại Beton6 Miền Trung, giảm tỷ lệ sở hữu từ 85% xuống còn 51%, nhằm thu hồi bớt vốn phục vụ sxkd
- Đã thực hiện việc thoái vốn tại Công ty Bê tông Ly tâm Dung Quất.
- Thực hiện hạn mức giao dịch tại các ngân hàng: BIDV Gia định, BIDV Nam Sài Gòn, VietinBank, Eximbank, Indovina Bank.
- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013:
 - a. Sản xuất công nghiệp : 600 tỷ
 - b. Xây lắp thi công : 800 tỷ

Tổng cộng : 1.400 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế: 77 tỷ đồng

6- Kiến nghị của Ban Kiểm soát:

Với diễn biến khó lường và còn nhiều khó khăn của nền kinh tế chung trong năm 2012 thì việc không thực hiện được kế hoạch kinh doanh do Hội đồng cổ đông 2011 đề ra là có thể hiểu được. Tuy nhiên khi xét đến việc hàng loạt các công ty cùng ngành kinh doanh thua lỗ thì việc Công ty CP Beton6 đạt được mức doanh thu và lợi nhuận tăng 3% so với kết quả năm 2011 là điều rất đáng khích lệ

Ban Kiểm soát xét thấy có những điểm cần lưu ý Ban Điều hành Công ty như sau:

- Về hoạt động sxkd: cần tập trung quản lý hiệu quả tồn kho, tăng cường hoạt động thu nợ nhằm tăng thanh khoản, tránh gây đọng vốn lưu động dẫn đến tăng chi phí sử dụng vốn; quản lý tốt hơn giá thành sản xuất, đặc biệt là giá thành mảng xây dựng cần quản lý hiệu quả hơn.
- Về hoạt động đầu tư, góp vốn: cần xem xét hiệu quả các khoản đầu tư nhằm tiếp tục ra quyết định thoái vốn một phần hoặc thanh lý toàn bộ, tập trung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty và hoàn nhập được dự phòng vì tình hình năm 2013 chưa có gì khả quan nên cần tập trung vốn cho hoạt động cốt lõi, tránh đầu tư giàn trải và giúp giảm vay nợ/lãi vay, tăng lợi nhuận.

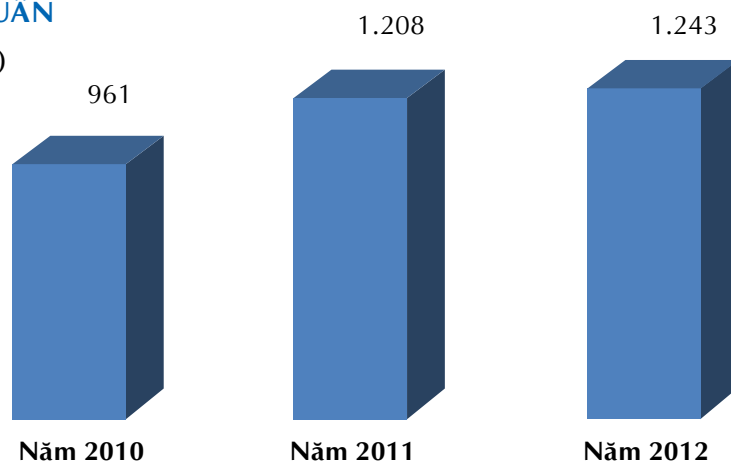
Kính trình Đại hội thông qua./.

Ban kiểm soát

BIỂU ĐỒ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 03 NĂM

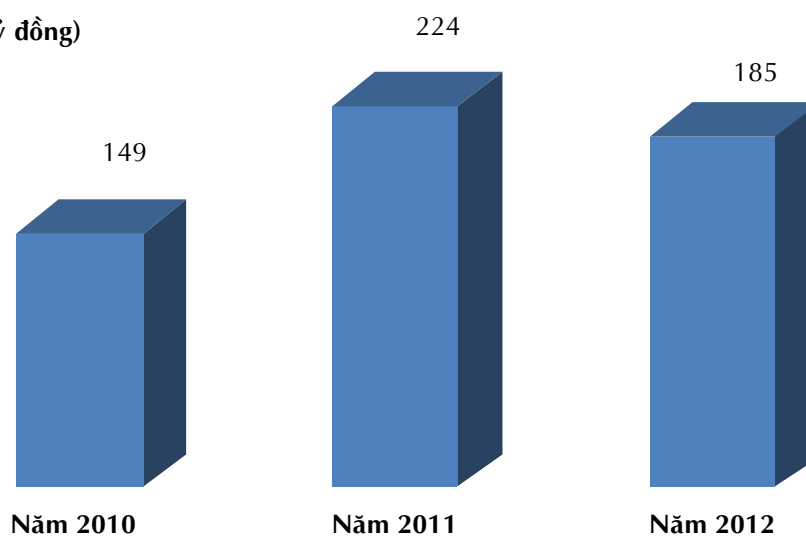
DOANH THU THUẦN

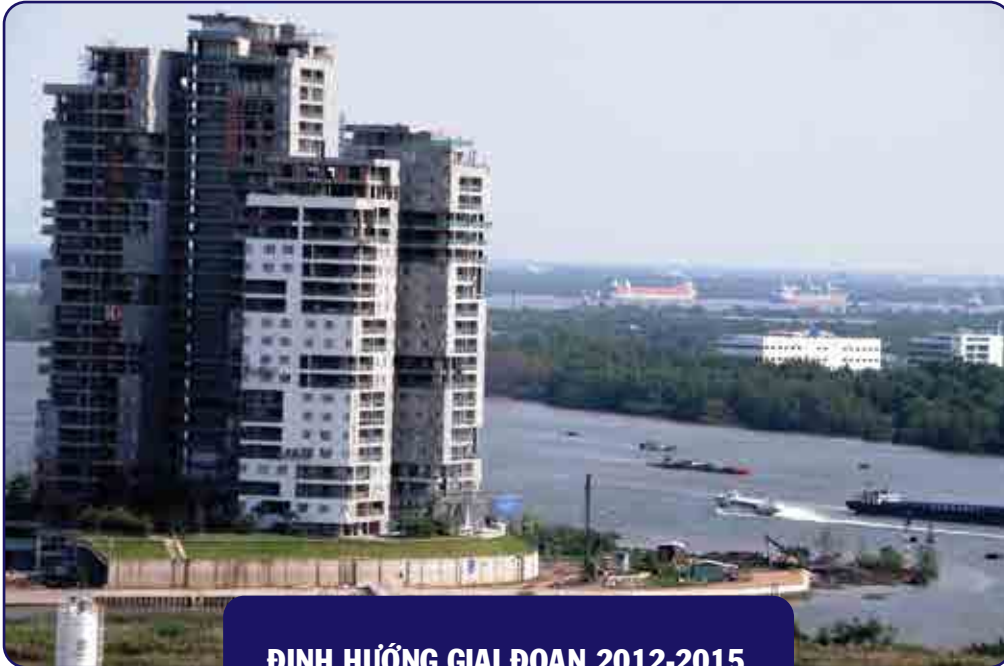
Đơn vị (tỷ đồng)



LỢI NHUẬN GỘP

Đơn vị (tỷ đồng)





ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2012-2015

1. Định hướng chung:

Tăng cường đầu tư chiều sâu hệ thống tổ chức và quản trị, nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực thi công công trình. Giữ vững vị trí hàng đầu về sản xuất bê tông công nghiệp. Phấn đấu trở thành tổng thầu/nhà thầu chính chuyên nghiệp về cung cấp cấu kiện bê tông đúc sẵn và xây dựng hạ tầng giao thông hàng đầu Việt Nam

2. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Triển vọng của thị trường: Nhu cầu phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, phát triển khu công nghiệp và nhà máy sản xuất vẫn còn rất lớn. Đặc biệt là các khu kinh tế, khu công nghiệp ở Tp. Hồ Chí Minh, Đồng bằng sông Cửu Long và Miền Trung. Một số dự án lớn tại Tp. Hồ Chí Minh và một số tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đang được quy hoạch ngân sách để triển khai trong giai đoạn 2012-2016 như Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận - Cần Thơ, Bến Lức – Long Thành; tuyến đường trên cao số 1, Tuyến Metro Bến Thành- Suối Tiên, Mở rộng quốc lộ 1 và một số dự án cầu như Cầu Cao Lãnh, Cầu Vàm Cống, Cầu Sài Gòn 2, Cầu Nhơn Trạch, Cầu Rạch Chiếc, Beton 6 cũng đã thiết lập kế hoạch tiếp cận cũng như phối hợp với các cơ quan nhà nước, nhà đầu tư và quỹ đầu tư để tham gia xây dựng các dự án này.

- Định hướng tương lai:

- Nghiên cứu và tìm kiếm cơ hội hợp tác chuyển giao công nghệ sản xuất bê tông và vật liệu xây dựng từ các nước phát triển, phục vụ cho chiến lược phát triển của công ty.
- Nghiên cứu & tìm giải pháp mở rộng và phát triển nhà máy sản xuất gắn liền với nơi thị trường, dự án phát triển mạnh để đảm bảo tính cạnh tranh, mở rộng thị trường cũng như yêu cầu về mặt quản lý chất lượng sản phẩm của chủ dự án.
- Duy trì và phát triển nguồn nhân lực của công ty để đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện các dự án với qui mô lớn, yêu cầu kỹ thuật cao, chất lượng, an toàn và tiến độ.
- Xây dựng tổ chức, chế độ chính sách và hệ thống quản trị phù hợp, hiệu quả với chiến lược công ty.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2013

PHÂN TÍCH SWOT

Điểm mạnh:

- Thương hiệu mạnh, có uy tín.
- Cán bộ công nhân viên có kinh nghiệm & kỹ năng tốt.
- Môi trường làm việc thân thiện.
- Ban Giám đốc cam kết thay đổi để phát triển.
- Định hướng kinh doanh rõ ràng – phát triển Beton6 thành công ty sản xuất bê tông đúc sẵn & thi công hàng đầu Việt Nam.
- Đã đủ khả năng làm thầu chính cho những công trình có giá trị tối thiểu 500 tỉ đồng.

Chiến lược, cơ chế quản lý ổn định dù cho bối cảnh kinh tế còn khó khăn.

Điểm yếu:

- Văn hóa công nghiệp chưa cao (an toàn lao động, sử dụng tài sản, vệ sinh công cộng, ...).
- Cần cải tiến công tác xây dựng và phát triển nguồn nhân lực kế thừa.
- R&D có triển khai nhưng chưa mạnh, chưa chuyên nghiệp.
- Năng lực tài chính và nguồn vốn còn yếu.
- Kỹ thuật đấu thầu, phát triển mối quan hệ với các chủ đầu tư có nguồn vốn ODA chưa mạnh.
- Hệ thống phân tích & đánh giá thông tin thị trường còn yếu.
- Vị trí nhà máy nằm trong khu dân cư, gây khó khăn vận hành.
- Hạ tầng quản lý: tiêu chuẩn, qui trình, hệ thống cần được cập nhật, đơn giản hóa, tối ưu hóa & vi tính hóa.
- Công tác thu hồi nợ chưa quyết liệt.

Cơ hội:

- Nhu cầu dự án hạ tầng tăng cao (metro, đường trên cao) sẽ tiêu thụ nhiều cấu kiện đúc sẵn và là cơ hội để đa dạng hóa sản phẩm.
- Mở rộng thị trường ở những khu vực kinh tế phát triển: Miền Trung, Miền Tây Nam bộ, Đông Nam Bộ và Cambodia.
- Thị trường tiềm năng cho phát triển cọc dân dụng, nhà lắp ghép, gạch không nung, đường bê tông... Bao gồm xu hướng sử dụng sản phẩm lắp ghép, là điểm mạnh của Beton 6.
- Cơ hội liên doanh liên kết với các công ty bê tông uy tín (Nhật Bản, Hàn Quốc) để chuyển giao công nghệ & sản phẩm, gắn liền với việc thi công các dự án ODA.
- Thu hút nhân tài cho các vị trí quản lý.

Rủi ro:

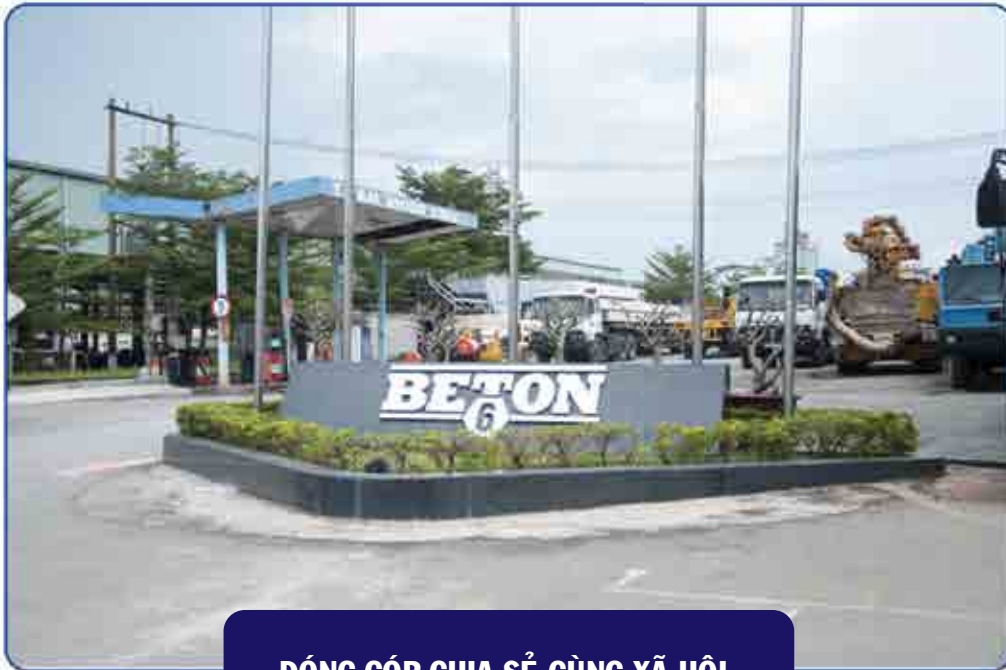
- Công nghệ lạc hậu, ít tự động hóa, cạnh tranh kém về giá bán.
- Các dự án bất động sản vẫn còn đóng băng,... các dự án hạ tầng giảm hoặc triển khai chậm do chính sách cắt giảm tài chính công.
- Xu hướng liên danh và liên kết kinh doanh giữa các đối thủ trong ngành.
- Nhiều hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh và bất bình đẳng trên thị trường. Xu hướng cạnh tranh từ các công ty xây dựng miền Bắc.
- Nguồn nguyên vật liệu ngày càng khan hiếm.
- Xu hướng triển khai dự án theo mô hình Xây dựng – Vận hành – Chuyển giao (BOT) hoặc Xây dựng – Chuyển giao (BT) trong khi Beton 6 chưa có nhiều kinh nghiệm.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

1. Giá trị doanh thu: 1.400 tỉ đồng
2. Lợi nhuận sau thuế: 58 tỉ đồng
3. Cổ tức dự kiến 5% vốn điều lệ, thanh toán bằng tiền mặt và/hoặc cổ phiếu, ủy quyền HĐQT thực hiện.

BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, phát triển và áp dụng công nghệ mới vật liệu mới trong sản phẩm bê tông đúc sẵn (tập trung các sản phẩm bê tông lắp ghép)
2. Thiết lập và duy trì môi trường làm việc an toàn, không để xảy ra tai nạn nghiêm trọng, duy trì chất lượng và hiệu quả thi công
3. Tiêu chuẩn hóa và sử dụng hiệu quả hệ thống đánh giá thành tích đối với bộ phận, cá nhân cho toàn công ty
4. Phát triển và hoàn chỉnh hệ thống quản lý kế toán tài chính và báo cáo quản trị
5. Tích cực thu hồi nợ, tăng tốc độ luân chuyển và quản lý hiệu quả dòng tiền
6. Áp dụng hệ thống ERP & module quản lý dự án "To-increase".



ĐÓNG GÓP CHIA SẺ CÙNG XÃ HỘI

Tài trợ đầm bê tông cho chiến dịch mùa hè xanh của sinh viên trường Đại Học Bách Khoa



Tài trợ thùng rác bê tông cho hoạt động vệ sinh môi trường ven biển xã An Bằng, Hội An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

NỘI DUNG

- 39-42 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 43 BÁO CÁO KIỂM TOÁN
- 44-46 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
- 48 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
- 49-50 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
- 51-83 BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
- 84 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU
- 85 THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Beton 6 (tiền thân là Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới) là Doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty bê tông 620 theo Quyết định số 41/2000/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700364079 (số cũ 4603000013) đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 1 ngày 28 tháng 8 năm 2001, lần thứ 4 ngày 08 tháng 11 năm 2006 về việc bổ sung vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 2 ngày 12 tháng 4 năm 2005 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 3 ngày 18 tháng 5 năm 2005 về việc thành lập chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 5 ngày 12 tháng 10 năm 2009 về việc thay đổi vốn điều lệ và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 6 ngày 25 tháng 6 năm 2010 về việc thay đổi địa điểm văn phòng đại diện và giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới – Long An.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 7 ngày 08 tháng 9 năm 2010 về thay đổi tên doanh nghiệp.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 8 ngày 13 tháng 4 năm 2011 về thay đổi vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 9 ngày 02 tháng 8 năm 2012 về việc thành lập chi nhánh và thay đổi văn phòng đại diện.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 10 ngày 03 tháng 01 năm 2013 về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.



Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 329.935.500.000 VND

Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6	19.569.030.000	5,93
Các cổ đông khác	310.366.470.000	94,07
Cộng	329.935.500.000	100,00

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trung Hậu	Chủ tịch	20 tháng 4 năm 2012	-
Ông Nguyễn Hùng	Ủy viên	20 tháng 4 năm 2012	26 tháng 9 năm 2012
Ông Trịnh Thanh Huy	Ủy viên	30 tháng 9 năm 2009	-
Ông Hà Đức Bình	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2009	-
Ông Nguyễn Nam Thắng	Ủy viên	07 tháng 4 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Minh Triết	Trưởng ban	16 tháng 4 năm 2010	-
Ông Nguyễn Văn Đua	Ủy Viên	16 tháng 4 năm 2010	-
Ông Trần Thanh Dũng	Ủy Viên	16 tháng 4 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trung Hậu	Tổng Giám đốc	30 tháng 9 năm 2009	25/ 12 / 2012
Ông Hà Thanh Mẫn	Tổng Giám đốc	25 tháng 12 năm 2012	-
Ông Trần Khắc Lợi	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 02 năm 2001	-
Ông Phạm Đình Nhật Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 02 năm 2001	-
Ông Trương Chí Nhân	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 8 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Beton 6 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Trung Hậu
Chủ tịch

Ngày 23 tháng 3 năm 2013



BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần Beton 6 gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 26 tháng 01 năm 2013, từ trang 07 đến trang 49 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

1. Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

2. Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến Kiểm toán viên

Trong các năm trước Công ty đã trích dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức 1/2 tháng lương cộng với phụ cấp lương cho 1 năm làm việc theo khoản 1 điều 42 của Bộ luật lao động và khoản 6 điều 139 của Luật bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên, năm 2012 Công ty kết chuyển vào thu nhập khác số dư quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc chưa chi với số tiền là 9.459.821.320 VND (xem thuyết minh số V.32 và VI.7 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính) theo Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Việc hoàn nhập và không xem xét trích lập thêm theo tiền lương thực tế trả cho người lao động tại thời điểm cuối năm làm cho nghĩa vụ nợ bị thiếu và lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay tăng lên với cùng số tiền ước tính khoảng 11.268.000.000 VND.

3. Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Beton 6 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C


Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV


Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1033/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Tài sản	Mã số		Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.141.362.276.490	1.175.509.235.669
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	68.928.058.999	52.008.013.002
1. Tiền	111		66.486.815.655	49.707.775.786
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.441.243.344	2.300.237.216
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		56.331.408.000	193.489.433.962
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	56.331.408.000	193.489.433.962
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		641.057.475.155	558.284.159.627
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	534.453.986.215	540.774.135.874
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	17.658.068.166	14.667.180.945
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	106.311.704.970	22.192.581.558
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(17.366.284.196)	(19.349.738.750)
IV. Hàng tồn kho	140		362.941.078.837	354.565.753.853
1. Hàng tồn kho	141	V.7	366.448.350.227	357.706.791.701
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(3.507.271.390)	(3.141.037.848)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.104.255.499	17.161.875.225
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.178.332.203	14.270.897.865
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	9.925.923.296	2.890.977.360
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		459.645.082.683	472.512.608.862
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		216.729.310.637	222.698.791.625
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	50.423.820.126	65.055.184.149
Nguyên giá	222		182.230.884.607	185.738.152.290
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(131.807.064.481)	(120.682.968.141)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	129.045.150.000	129.045.150.000
Nguyên giá	228		129.045.150.000	129.045.150.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	37.260.340.511	28.598.457.476
III. Bất động sản đầu tư	240	V.13	3.331.178.400	3.331.178.400
Nguyên giá	241		3.331.178.400	3.331.178.400
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		216.206.339.788	218.213.033.507
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	127.975.777.686	144.988.177.686
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	72.689.168.268	63.939.168.268
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	60.106.510.000	55.156.510.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.17	(44.565.116.166)	(45.870.822.447)
V. Tài sản dài hạn khác	260		23.378.253.858	28.269.605.330
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	9.212.074.261	11.950.767.537
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	1.977.807.037	3.447.097.933
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	12.188.372.560	12.871.739.860
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.601.007.359.173	1.648.021.844.531



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012(tt)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A NỢ PHẢI TRẢ	300		1.120.075.926.676	1.199.571.211.265
I. Nợ ngắn hạn	310		1.096.115.273.782	1.129.408.270.105
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	522.114.528.238	560.039.192.032
2. Phải trả người bán	312	V.22	334.865.976.781	210.672.726.765
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	151.232.540.021	267.436.604.368
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	19.664.995.026	10.630.166.967
5. Phải trả người lao động	315	V.25	15.682.678.491	16.409.058.143
6. Chi phí phải trả	316	V.26	13.437.518.762	10.643.330.520
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	22.028.364.906	9.664.210.064
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.28	-	22.149.387.415
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.29	17.088.671.557	21.763.593.831
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		23.960.652.894	70.162.941.160
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.30	14.980.578.520	43.481.894.535
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.31	8.495.900.000	12.183.400.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.32	-	14.497.646.625
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		484.174.374	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		480.931.432.497	448.450.633.266
I. Vốn chủ sở hữu	410		480.931.432.497	448.450.633.266
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.33	329.935.500.000	329.935.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.33	-	(3.028.053.115)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.33	67.284.720.445	56.826.399.210
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.33	83.711.212.052	64.716.787.171
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.601.007.359.173	1.648.021.844.531



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	V.34	8.673.448.067	7.324.102.290
Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		111,15	13.000,70
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 26 tháng 01 năm 2013



Hồ Thị Ngọc Tuyết
Người lập biểu



Lê Anh Thi
Giám đốc Tài chính



Hà Thanh Mẫn
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.242.600.549.176	1.208.837.095.017
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.242.600.549.176	1.208.837.095.017
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.057.449.876.886	984.505.417.639
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		185.150.672.290	224.331.677.378
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.711.773.801	17.119.100.516
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	112.166.690.172	116.589.752.039
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>109.989.005.477</i>	<i>83.020.486.790</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4.331.260.505	4.361.785.228
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	52.547.475.052	63.203.763.433
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.817.020.362	57.295.477.194
11. Thu nhập khác	31	VI.7	32.756.486.465	8.720.713.555
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.108.463.859	2.652.621.713
13. Lợi nhuận khác	40		30.648.022.606	6.068.091.842
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		64.465.042.968	63.363.569.036
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	13.743.654.226	16.800.799.404
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.19	1.469.290.896	(1.190.536.248)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		49.252.097.846	47.753.305.880
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

3204
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TP.

Bình Dương, ngày 26 tháng 01 năm 2013



Hồ Thị Ngọc Tuyết
Người lập biểu



Lê Anh Thi
Giám đốc Tài chính



Hà Thanh Mẫn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 2012 theo phương pháp gián tiếp năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
			-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	01		64.465.042.968	63.363.569.036
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10	16.514.962.518	16.959.569.917
- Các khoản dự phòng	03	V.6,8,17	(1.573.581.516)	13.510.147.860
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3,4	2.834.156.993	2.772.419.040
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.685.921.945)	(20.137.585.051)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	109.989.005.477	83.020.486.790
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		174.543.664.495	159.488.607.592
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.372.624.627	(116.329.469.758)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.741.558.526)	(229.920.387.636)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(58.314.616.490)	155.601.036.809
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.738.693.276	(1.434.468.834)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(109.989.005.477)	(83.020.486.790)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.24	(4.901.146.546)	(23.424.356.557)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.852.835.356	1.451.495.031
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(12.367.223.612)	(14.725.549.059)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.805.732.897)	(152.313.579.202)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10,12	(10.645.771.217)	(89.735.495.291)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1.168.181.828	7.106.068.138
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19.299.000.000)	(46.363.049.018)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		89.063.296.562	26.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.000.000.000)	(75.093.729.400)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		615.620.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.854.220.468	7.535.656.520
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		65.756.547.641	(170.550.549.051)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 2012 theo phương pháp gián tiếp năm 2012 (tt)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.21	869.738.006.629	897.774.007.144
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21	(911.705.589.495)	(599.929.996.624)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.220.000)	(32.978.711.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(41.972.802.866)	264.865.299.020
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		16.978.011.878	(57.998.829.233)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	52.008.013.002	109.978.082.584
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(57.965.881)	28.759.651
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	68.928.058.999	52.008.013.002



Hồ Thị Ngọc Tuyết
Người lập biểu



Lê Anh Thi
Giám đốc Tài chính

Bình Dương, ngày 26 tháng 01 năm 2013



Hà Thanh Mẫn
Tổng Giám đốc

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc..); Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng; Nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp, thi công nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; Xây dựng các công trình công nghiệp; Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng.

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 876 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.017 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009. Qui định của Thông tư số 179/2012/TT-BTC thay đổi so với Thông tư số 201/2009/TT-BTC Công ty đang áp dụng về tỷ giá qui đổi các giao dịch

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

phát sinh bằng ngoại tệ và tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm cũng như xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Theo Thông tư 201/2009/TT-BTC, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Tuy nhiên, Thông tư số 179/2012/TT-BTC cho phép khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước chưa phân bổ hết được tiếp tục phân bổ theo số năm còn lại.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với hoạt động sản xuất, tính theo phương pháp thực tế đích danh đối với hoạt động xây dựng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác.

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính hữu hình đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-7

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn (thời gian sử dụng đất lâu dài) nên không tính khấu hao.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất ở Khu Công nghiệp Long Hậu. Công ty bắt đầu phân bổ tiền thuê đất từ khi công trình hoàn thành cho thời gian thuê còn lại.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa bao gồm: Chi phí mở rộng, sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa nồi trộn bê tông, chi phí trang trí nội thất. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 05 năm.

Chi phí tư vấn lập dự án

Chi phí tư vấn lập dự án Đường trên cao số 1. Chi phí này sẽ được phân bổ khi Công ty tham gia đấu thầu công trình.

Phí gia hạn bản quyền phần mềm

Phí gia hạn bản quyền phần mềm bảo mật được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 03 năm.

13. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng bảo hành sản phẩm được lập cho công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập bằng 5% tổng giá trị công trình.

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

19. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

- Theo điều lệ Công ty, quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty với mức trích lập hàng năm không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích lập cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

24. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

25. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

26. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.637.271.000	2.356.187.000
Tiền gửi ngân hàng ⁽ⁱ⁾	60.849.544.655	47.351.588.786
Các khoản tương đương tiền	2.441.243.344	2.300.237.216
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		
Cộng	68.928.058.999	52.008.013.002

(i) Tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 15.304.114.929 VND và 16.081.041.230 VND được đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.21).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn ⁽ⁱ⁾	-	67.393.729.400
Đầu tư ngắn hạn khác	56.331.408.000	126.095.704.562
- Cho Công ty TNHH MTV 3D Long Hậu vay với lãi suất 21,5%/năm	53.309.000.000	34.010.000.000
- Cho Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico vay với lãi suất 15%/năm	3.022.408.000	3.022.408.000
- Cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt vay với lãi suất 5%/năm ⁽ⁱⁱ⁾	-	89.063.296.562
Cộng	56.331.408.000	193.489.433.962

(i) Trong năm, Công ty đã thanh lý toàn bộ cổ phiếu đầu tư ngắn hạn.

(ii) Đến ngày 30 tháng 3 năm 2012, Công ty đã thu hồi hết nợ và lãi cho vay của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt.

3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động xây lắp	326.744.857.758	291.235.585.683
Sản phẩm bê tông	152.869.371.063	178.902.095.905
Hoạt động thương mại	54.839.757.394	70.636.454.286
Cộng	534.453.986.215	540.774.135.874

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà thầu thi công	4.286.628.163	11.530.029.896
Nhà cung cấp vật tư, phụ tùng	11.612.873.160	550.659.789
Các nhà cung cấp khác	1.758.566.843	2.586.491.260
Cộng	17.658.068.166	14.667.180.945

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh (thanh lý khoản đầu tư Công ty cổ phần cảng Bình Minh)	3.274.620.871	3.274.620.871
Công ty cổ phần cảng Bình Minh (thanh lý khoản đầu tư)	1.711.920.316	1.711.920.316
Cổ tức phải thu	9.749.618.533	8.029.451.333
Lãi dự thu tiền cho vay	12.449.189.715	6.163.069.117
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre (vay hộ)	2.109.460.846	2.109.460.846
Chuyển nhượng vốn phải thu	74.112.321.282	-
Các khoản khác	2.904.573.407	904.059.075
Cộng	106.311.704.970	22.192.581.558

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	17.366.284.196	18.089.633.950
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	63.716.923	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	1.485.028.646
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.720.745.192	2.377.632.246
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	13.581.822.081	14.226.973.058
Dự phòng nợ phải thu khó có khả năng thu hồi	-	1.260.104.800
Cộng	17.366.284.196	19.349.738.750

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	19.349.738.750	15.837.629.654
Trích lập dự phòng bổ sung	-	3.512.109.096
Hoàn nhập dự phòng	(634.108.777)	-
Xử lý công nợ	(1.349.345.777)	-
Số cuối năm	17.366.284.196	19.349.738.750

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	27.339.382.864	102.111.935.101
Công cụ, dụng cụ	1.092.450.621	2.648.025.291
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	228.179.129.906	141.348.763.012
Thành phẩm	108.306.545.629	110.673.846.419
Hàng hóa	1.530.841.207	924.221.878
Cộng	366.448.350.227	357.706.791.701

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.192.465.184	1.008.075.542
Thành phẩm	2.314.806.206	2.132.962.306
Cộng	3.507.271.390	3.141.037.848

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.141.037.848	3.661.900.249
Trích lập bổ sung	366.233.542	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(520.862.401)
Số cuối năm	3.507.271.390	3.141.037.848

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	52.199.998
Tạm ứng	7.298.301.037	1.818.304.698
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	2.627.622.259	1.020.472.664
Cộng	9.925.923.296	2.890.977.360

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	21.662.725.808	79.765.048.322	80.707.938.758	3.602.439.402	185.738.152.290
Mua trong năm	35.000.000	539.218.182	981.520.000	428.150.000	1.983.888.182
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.238.324.865)	(252.831.000)	-	(5.491.155.865)
Số cuối năm	21.697.725.808	75.065.941.639	81.436.627.758	4.030.589.402	182.230.884.607
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.552.100.973	37.004.096.880	39.457.698.650	1.535.574.269	80.549.470.772
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.530.033.522	53.530.743.473	56.350.921.215	2.271.269.931	120.682.968.141
Khấu hao trong năm	2.144.620.783	6.050.460.994	7.666.794.617	653.086.124	16.514.962.518
Khấu hao tài sản hình thành từ Quý phúc lợi	99.346.020	-	-	-	99.346.020
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.238.324.865)	(251.887.333)	-	(5.490.212.198)
Số cuối năm	10.774.000.325	54.342.879.602	63.765.828.499	2.924.356.055	131.807.064.481
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.132.692.286	26.234.304.849	24.357.017.543	1.331.169.471	65.055.184.149
Số cuối năm	10.923.725.483	20.723.062.037	17.670.799.259	1.106.233.347	50.423.820.126
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Tài sản cố định hữu hình là 05 xe trộn bê tông hiệu Hyundai HD270 và 3 xe cần cẩu bánh xích có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 12.055.409.089 VND và 8.991.471.861 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH Indovina và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	129.045.150.000
Số cuối năm	129.045.150.000
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

Số cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	129.045.150.000
Số cuối năm	129.045.150.000
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tài sản cố định trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	2.536.209.464	(32.938.182)	2.503.271.282
Xây dựng cơ bản dở dang	28.598.457.476	6.158.611.753	-	34.757.069.229
Công trình mở rộng bãi đà	8.586.545.434	-	-	8.586.545.434
<i>Công trình Nhà máy Beton6 Long Hậu tại Khu Công nghiệp Long Hậu, Long An</i>	<i>20.011.912.042</i>	<i>6.158.611.753</i>	<i>-</i>	<i>26.170.523.795</i>
Cộng	28.598.457.476	8.694.821.217	(32.938.182)	37.260.340.511

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	3.331.178.400
Số cuối năm	3.331.178.400
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	3.331.178.400
Số cuối năm	3.331.178.400

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không có thời hạn sử dụng lâu dài liên quan đến Lô Bp-46 tại xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm cuối năm Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu ⁽ⁱ⁾	69.000	690.000.000	69.000	690.000.000
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 ⁽ⁱⁱ⁾	3.295.000	59.370.538.009	3.295.000	59.370.538.009
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico ⁽ⁱⁱⁱ⁾	3.022.408	65.915.239.677	3.022.408	65.915.239.677
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi ^(iv)	-	-	1.600.000	13.700.000.000
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất ^(v)	-	-	531.240	5.312.400.000
Công ty cổ phần Beton 6 Miền Trung ^(vi)		1.500.000.000		-
Công ty cổ phần xây dựng giao thông Beton 6 ^(vii)		500.000.000		-
Cộng		127.975.777.686		144.988.177.686

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701469571 ngày 10 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu 690.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700669521 ngày 22 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty nắm giữ 3.295.000 cổ phiếu, tương đương 99,85% vốn điều lệ của Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700259067 ngày 16 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty nắm giữ 57,57% vốn điều lệ của Công ty cổ phần khoáng sản Tân Uyên Fico.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300369010 ngày 30 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, Công ty nắm giữ 40% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi. Tuy nhiên, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi được chuyển sang công ty liên kết.

(v) Công ty thanh lý toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất với giá bán 10.000 VND/cổ phiếu.

(vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000835165 ngày 20 tháng 7 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Beton 6 Miền Trung. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 1.500.000.000 VND tương đương 5% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần Beton 6 Miền Trung là 8.700.000.000 VND.

(vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401466729 ngày 29 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp, Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần xây dựng giao thông Beton 6. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 500.000.000 VND, tương đương 2,5% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng giao thông Beton 6 là 9.700.000.000 VND.

LỜI
C
ÁP
KIỂM
T
VII

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh ⁽ⁱ⁾	1.250.000	12.500.000.000	1.250.000	12.500.000.000
Công ty cổ phần bê tông 62 Long An ⁽ⁱⁱ⁾	1.600.000	16.000.000.000	1.600.000	16.000.000.000
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre ⁽ⁱⁱⁱ⁾	81.520	815.200.000	81.520	815.200.000
Công ty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm ^(iv)		-		4.950.000.000
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu ^(v)		29.373.968.268		29.373.968.268
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới ^(vi)		300.000.000		300.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi ^(vii)		13.700.000.000		-
Cộng		72.689.168.268		63.939.168.268

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500419552 ngày 27 tháng 5 năm 2004, thay đổi lần 3 ngày 23 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh 12.500.000.000 VND, tương đương 20,83% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000140 ngày 09 tháng 5 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông 620 Long An 16.000.000.000 VND, tương đương 38,10% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5503000012 ngày 26 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre 815.200.000 VND, tương đương 45,00% vốn điều lệ.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 502021000028 ngày 23 tháng 8 năm 2007 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Long An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm 4.950.000.000 VND, tương đương 24,75% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm tăng vốn điều lệ làm cho khoản đầu tư của Công ty cổ phần Beton 6 trong Công ty này giảm từ 24,75% xuống 16,5% vốn điều lệ do vậy Công ty phân loại khoản đầu tư này sang chỉ tiêu đầu tư dài hạn khác.

(v) Theo sự ủy quyền của Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6, Công ty đã tham gia góp vốn vào Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu với số tiền 29.373.968.268 VND. Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu vẫn chưa hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh theo qui định để xác nhận tư cách thành viên của Công ty cổ phần Beton 6.

(vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102041657 ngày 02 tháng 8 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới 300.000.000 VND, tương đương 30,00% vốn điều lệ.

(vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300369010 ngày 30 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, Công ty nắm giữ 40% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi.

Công ty thế chấp 1.600.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		38.496.510.000		38.496.510.000
Công ty cổ phần Cảng Vĩnh Long	300.000	3.060.000.000	300.000	3.060.000.000
Công ty cổ phần Đồng Tâm	325.000	30.500.000.000	325.000	30.500.000.000
Công ty cổ phần trang trí đá Vĩnh Cửu	60.000	2.040.000.000	60.000	2.040.000.000
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu & xây dựng công trình (Tranimexco)	150.000	2.050.000.000	150.000	2.050.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương	89.925	846.510.000	89.925	846.510.000
Đầu tư vào đơn vị khác		21.610.000.000		16.660.000.000
Công ty cổ phần bê tông Sài Gòn Sáu Hai Mười	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Công ty cổ phần BOT cầu Phú Mỹ	1.516.000	15.160.000.000	1.516.000	15.160.000.000
Công ty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm (xem thuyết minh số V.15)		4.950.000.000		-
Cộng		60.106.510.000		55.156.510.000

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	-	2.138.004.399
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi	-	922.260.618
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất	-	1.215.743.781
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết	12.777.996.243	11.855.735.625
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	815.200.000	815.200.000
Công ty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm	1.447.136.213	1.447.136.213
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	300.000.000	300.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi	922.260.618	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	9.293.399.412	9.293.399.412
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	31.787.119.923	31.877.082.423
Công ty cổ phần trang trí đá Vĩnh Cửu	1.350.000.000	1.350.000.000
Công ty cổ phần bê tông Sài Gòn Sáu Hai Mười	112.509.923	112.509.923
Công ty cổ phần Đồng Tâm	28.582.500.000	28.582.500.000
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu & xây dựng công trình (Tranimexco)	1.615.000.000	1.660.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương	127.110.000	172.072.500
Cộng	44.565.116.166	45.870.822.447



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	45.870.822.447	35.351.921.282
Trích lập dự phòng bổ sung	-	10.518.901.165
Hoàn nhập dự phòng	(1.305.706.281)	-
Số cuối năm	44.565.116.166	45.870.822.447

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công trình giao thông nông thôn	2.119.595.447	-	(529.898.862)	1.589.696.585
Công trình gia công cốt thép nhà xưởng	1.237.801.334	-	(309.450.334)	928.351.000
Công trình nhà nghỉ cán bộ công nhân viên	196.942.599	-	(49.235.650)	147.706.949
Công trình nhà xưởng cơ khí	858.699.582	-	(214.674.896)	644.024.686
Sửa chữa tài sản cố định	1.091.330.304	109.840.455	(246.290.909)	954.879.850
Chi phí cung cấp và lắp đặt hệ thống máy lạnh Bình Dương	305.242.208	-	(110.997.167)	194.245.041
Chi phí trang trí nội thất	4.587.604.002	-	(1.799.835.802)	2.787.768.200
Phí gia hạn bản quyền phần mềm	53.552.061	-	(20.729.830)	32.822.231
Chi phí tư vấn lập dự án Đường trên cao số 1	1.500.000.000	150.000.000	-	1.650.000.000
Hệ thống hội nghị truyền hình Polycom	-	167.205.538	(37.156.785)	130.048.753
Chi phí sửa chữa nhà vệ sinh xưởng Bảo Trì	-	152.530.966	-	52.530.966
Cộng	11.950.767.537	579.576.959	(3.318.270.235)	9.212.074.261

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.447.097.933	2.256.561.685
Số phát sinh	-	1.190.536.248
Số hoàn nhập	(1.469.290.896)	-
Số cuối năm	1.977.807.037	3.447.097.933

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

20. Tài sản dài hạn khác

Khoản đặt cọc thuê văn phòng, container và thuê nhà máy của Công ty cổ phần 3D.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng:	518.464.128.238	557.398.692.032
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam ⁽ⁱ⁾	38.667.431.644	88.196.924.013
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Nam Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	103.215.077.650	100.730.509.964
Ngân hàng TNHH Indovina ⁽ⁱⁱⁱ⁾	137.190.840.213	128.226.866.751
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Gia Định ^(iv)	86.329.066.427	94.994.936.656
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ^(v)	153.061.712.304	145.249.454.648
Vay dài hạn đến hạn trả	3.650.400.000	2.640.500.000
Ngân hàng TNHH Indovina	1.279.200.000	1.279.200.000
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	1.926.000.000	963.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	445.200.000	398.300.000
Cộng	522.114.528.238	560.039.192.032

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.

(iv) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định.

(v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	557.398.692.032	869.738.006.629	-	(909.027.989.495)	355.419.072	518.464.128.238
Vay dài hạn đến hạn trả	2.640.500.000	-	3.650.400.000	(2.640.500.000)	-	3.650.400.000
Cộng	560.039.192.032	869.738.006.629	3.650.400.000	(911.668.489.495)	355.419.072	522.114.528.238



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

22. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cung cấp cáp	13.265.896.489	19.906.403.352
Nhà cung cấp cát	12.683.250.872	5.502.902.437
Nhà cung cấp đá	3.499.585.558	8.395.395.360
Nhà cung cấp sắt	98.545.390.667	31.737.717.961
Nhà cung cấp phụ gia	8.575.449.100	5.523.259.566
Nhà cung cấp xi măng	32.808.897.605	27.391.488.070
Công ty cổ phần Long Hậu ⁽ⁱ⁾	74.250.155.544	47.838.722.026
Nhà cung cấp khác	91.237.350.946	64.376.837.993
Cộng	334.865.976.781	210.672.726.765

(i) Khoản phải trả do mua lại quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Long Hậu ở Khu Công nghiệp Long Hậu đến hạn trả trong năm sau (xem thuyết minh số V.30 về số tiền còn phải trả dài hạn).

23. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng	141.008.430.290	249.938.609.939
Các khoản trả trước mua hàng hóa, thành phẩm	10.224.109.731	17.497.994.429
Cộng	151.232.540.021	267.436.604.368

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	3.462.287.664	(3.462.287.664)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.498.619.673	(1.498.619.673)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	54.760.978	(54.760.978)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.194.656.912	13.743.654.226	(4.901.146.546)	19.037.164.592
Thuế thu nhập cá nhân	435.510.055	2.841.925.386	(2.649.605.007)	627.830.434
Các loại thuế khác	-	290.715.245	(290.715.245)	-
Cộng	10.630.166.967	21.891.963.172	(12.857.135.113)	19.664.995.026

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thi công công trình cho các dự án ODA 0%
- Sản phẩm bê tông, công trình xây dựng và dịch vụ vận chuyển 10%
- Hàng hóa khác 5%-10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Thuế nhà thầu

Áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư 60/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính đối với dịch vụ tư vấn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012 đối với thu nhập từ hoạt động thi công, xây dựng, lắp đặt đường bộ do có tổng số lao động sử dụng thường xuyên bình quân trong năm 2012 trên 300 người theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về việc ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	64.465.042.968	63.363.569.036
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.092.449.534	9.662.471.885
- Các khoản điều chỉnh giảm	(13.878.274.227)	(4.085.977.014)
Tổng thu nhập chịu thuế	52.679.218.275	68.940.063.907
Thu nhập được miễn thuế	(2.885.282.900)	(8.847.641.144)
Thu nhập tính thuế	49.793.935.375	60.092.422.763
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.448.483.844	15.023.105.691
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	3.210.012.881	3.749.347.886
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% do sử dụng nhiều lao động xây dựng công trình hạ tầng kinh tế - xã hội	(1.914.842.499)	(1.971.654.173)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	13.743.654.226	16.800.799.404

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

25. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và thưởng tháng 13 còn phải trả cho người lao động.

26. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công trình	1.913.629.180	4.649.189.573
Chi phí lãi chậm thanh toán của Công ty cổ phần Long Hậu	10.602.730.042	5.476.211.447
Chi phí vận chuyển	478.705.291	67.287.000
Chi phí khác	442.454.249	450.642.500
Cộng	13.437.518.762	10.643.330.520

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

27. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	640.481.676	774.330.656
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	887.520.039	2.277.158.347
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16.760.550.700	268.995.700
Tạm nhập kho nguyên vật liệu	1.753.212.374	1.220.417.009
Các khoản phải trả khác	1.986.600.117	5.123.308.352
Cộng	22.028.364.906	9.664.210.064

28. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	22.149.387.415	-
Kết chuyển dự phòng nợ phải trả dài hạn sang ngắn hạn	-	27.968.138.693
Trích lập bổ sung	-	505.637.720
Sử dụng	(68.680.000)	-
Hoàn nhập	(22.080.707.415)	(6.324.388.998)
Số cuối năm	-	22.149.387.415

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Giảm khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	14.025.640.051	-	-	(4.430.767.584)	9.594.872.467
Quỹ phúc lợi	3.137.228.399	3.000.000.000	(16.000.000)	(2.698.584.000)	3.422.644.399
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	3.551.420.380	302.576.730	-	(650.841.400)	3.203.155.710
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	1.049.305.001	-	(99.346.020)	(81.960.000)	867.998.981
Cộng	21.763.593.831	3.302.576.730	(115.346.020)	(7.862.152.984)	17.088.671.557

30. Phải trả người bán dài hạn

Khoản phải trả do mua lại quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Long Hậu ở Khu Công nghiệp Long Hậu.

31. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TNHH Indovina ⁽ⁱ⁾	2.559.500.000	3.838.700.000
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	4.811.000.000	6.737.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.125.400.000	1.607.700.000
Cộng	8.495.900.000	12.183.400.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

(i) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TNHH Indovina theo Hợp đồng vay số 149/1210/MTLc/1027616 ngày 07 tháng 12 năm 2010 để mua mới 05 xe trộn bê tông hiệu Hyundai HD270 với lãi suất 18%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính 05 chiếc xe trộn bê tông Hyundai HD270.

(ii) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam theo Hợp đồng vay số 2000-LAV-201103336 ngày 24 tháng 6 năm 2011 để mua cổ phiếu của Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi với lãi suất tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.600.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi.

(iii) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để mua máy móc thiết bị với lãi suất 21,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng 03 chiếc xe cần cẩu bánh xích đã qua sử dụng.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.650.400.000	2.640.500.000
Trên 1 năm đến 5 năm	8.495.900.000	12.183.400.000
Tổng nợ	12.146.300.000	14.823.900.000

32. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.497.646.625	8.703.491.133
Số trích lập bổ sung	-	6.516.934.424
Số đã chi	(5.037.825.305)	(722.778.932)
Hoàn nhập	(9.459.821.320)	-
Số cuối năm	-	14.497.646.625

33. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	5.220.000	32.978.711.500
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-
Cộng	5.220.000	32.978.711.500

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.993.550	10.997.850
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.993.550	10.997.850
- Cổ phiếu phổ thông	32.993.550	10.997.850
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.993.550	10.997.850
- Cổ phiếu phổ thông	32.993.550	10.997.850
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: **10.000 VND.**

34. Nợ khó đòi đã xử lý

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.324.102.290	7.324.102.290
Nợ khó đòi đã xử lý	1.349.345.777	-
Số cuối năm	8.673.448.067	7.324.102.290

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động xây dựng	740.684.624.772	620.402.621.360
Doanh thu sản phẩm bê tông	484.194.621.853	507.819.799.771
Doanh thu khác	17.721.302.551	80.614.673.886
Cộng	1.242.600.549.176	1.208.837.095.017

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động xây dựng	630.821.130.939	492.028.253.988
Giá vốn của sản phẩm bê tông	403.418.736.240	422.562.864.240
Giá vốn khác	22.843.776.165	70.435.161.812
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	366.233.542	(520.862.401)
Cộng	1.057.449.876.886	984.505.417.639

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	667.029.851	414.453.408
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	285.672.795	1.370.145.598
Lãi tiền cho vay	11.689.552.571	6.163.069.117
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.885.282.900	8.847.641.144
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	2.021.811.882	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	441.218	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	161.982.584	323.791.249
Cộng	17.711.773.801	17.119.100.516

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	99.281.032.592	71.513.637.475
Lãi trái phiếu	-	11.506.849.315
Lãi thuê đất trả chậm	8.434.683.216	5.476.211.447
Lãi mua hàng trả chậm	2.273.289.669	146.337.124
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	648.792.765	9.528.910.065
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.834.598.211	2.772.419.040
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	10.518.901.165
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.305.706.281)	-
Phí phát hành trái phiếu	-	5.000.000.000
Phí lưu ký chứng khoán	-	535.000
Chi phí chuyển nhượng cổ phần	-	125.951.408
Cộng	112.166.690.172	116.589.752.039

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	3.171.451.713	2.598.130.374
Chi phí khác	1.159.808.792	1.763.654.854
Cộng	4.331.260.505	4.361.785.228

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.849.619.317	4.045.234.110
Chi phí nhân công	24.823.019.374	24.766.100.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	653.086.128	491.566.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	542.877.709	474.028.189
Chi phí khác	24.678.872.524	33.426.834.488
Cộng	52.547.475.052	63.203.763.433

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.168.181.828	2.414.817.638
Hoàn nhập bảo hành công trình	22.080.707.415	6.301.437.725
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm ⁽ⁱ⁾	9.459.821.320	-
Các khoản thu nhập khác	47.775.902	4.458.192
Cộng	32.756.486.465	8.720.713.555

(i) Công ty hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc chưa chi theo Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	943.667	147.002.148
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	363.636.364	145.727.273
Thuế bị phạt, bị truy thu	642.142.507	1.355.267.301
Phạt hành chính	-	216.228.112
Phạt do vi phạm hợp đồng	153.428.000	136.000.000
Chi phí ngoài dự toán	590.712.049	-
Hủy cọc đã bán các năm trước bị trả về	-	507.936.000
Các khoản chi phí khác	357.601.272	144.460.879
Cộng	2.108.463.859	2.652.621.713

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	792.654.206.278	743.829.426.092
Chi phí nhân công	124.639.789.125	116.448.663.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.514.962.518	16.959.569.917
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.989.181.744	5.417.169.640
Chi phí khác	245.013.346.541	239.345.246.624
Cộng	1.182.811.486.206	1.122.000.076.118

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết góp vốn

Công ty tham gia góp vốn thành lập Công ty cổ phần Beton 6 Miền Trung và Công ty cổ phần xây dựng giao thông Beton 6. Tại ngày kết thúc năm tài chính, vốn điều lệ còn phải đầu tư vào các công ty này là 18.400.000.000 VND (xem thuyết minh số V.14).

2. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.674.598.794	4.081.489.704
Thù lao được hưởng	258.000.000	288.000.000
Tiền thưởng	545.185.000	542.685.000
Cộng	4.477.783.794	4.912.174.704

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620	Công ty con
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu	Công ty con
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico	Công ty con
Công ty cổ phần Beton 6 Miền Trung	Công ty con
Công ty cổ phần xây dựng giao thông Beton 6	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi	Công ty liên kết
Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	Công ty liên kết
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	Công ty liên kết
Công ty cổ phần bê tông 620 Long An	Công ty liên kết
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Công ty liên kết
Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6 – TNHH MTV	Cổ đông chiếm 5,93% vốn điều lệ của Công ty
Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An	Công ty có cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH quản lý đầu tư Kusto (tên cũ là Công ty TNHH quản lý đầu tư BTA)	Công ty có cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH vật liệu xây dựng Việt Nam	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt	Cổ đông nắm giữ 10,22% vốn điều lệ của Công ty
Công ty cổ phần Vinafco	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Tri Việt Hội An	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Beton 6 Miền Trung		
Góp vốn	1.500.000.000	-
Chi phí thi công công trình	2.174.321.309	-
Công ty cổ phần xây dựng giao thông Beton 6		
Góp vốn	500.000.000	-
Ứng trước tiền thi công công trình	3.500.000.000	-
Chi phí thi công công trình	645.998.485	
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620		
Thuê gia công, mua cọc ống	-	3.855.235.753
Bán tài sản cố định	363.636.364	-
Mua vật tư, sản phẩm bê tông và thuê máy móc thiết bị	3.000.000.000	7.200.000.000
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu		
Bán vật tư	1.138.991.852	77.805.698
Cổ tức	124.200.000	172.500.000
Thuê giám sát thí nghiệm	319.726.218	1.795.543.379



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico		
Cổ tức được chia	2.720.167.200	6.044.816.000
Cho vay	-	3.022.408.000
Lãi cho vay	453.361.200	264.460.000
Công ty cổ phần bê tông 620 Bình Minh		
Mua sản phẩm bê tông	-	4.307.200.000
Bán bê tông tươi, vận chuyển và thi công công trình	-	1.137.459.797
Cổ tức được chia	-	250.000.000
Cho thuê máy móc thiết bị, bán máy móc thiết bị	-	1.350.000.000
Công ty cổ phần bê tông 620 Long An		
Ứng trước tiền thi công công trình	1.642.933.138	-
Cổ tức được chia	-	1.920.000.000
Thi công công trình	-	165.459.797
Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An		
Thi công công trình	74.017.641.050	217.905.723.765
Ứng trước thi công công trình	-	71.153.613.791
Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB		
Mua nguyên vật liệu	-	429.733.826.758
Ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	11.612.873.160	-
Công ty TNHH vật liệu xây dựng Việt Nam		
Thi công công trình	247.505.455	15.820.349.277
Công ty cổ phần Vinafco		
Thi công công trình	92.414.690	26.552.472.016
Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt		
Cho vay	-	12.353.049.018
Thu hồi cho vay	89.063.296.562	-
Lãi cho vay	754.212.163	4.148.867.449
Công ty cổ phần Tri Việt Hội An		
Thi công công trình	18.880.308.273	-

Giao dịch với các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần xây dựng giao thông Beton 6		
Ứng trước tiền thi công công trình	3.500.000.000	
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620		
Mua sản phẩm bê tông, thuê máy móc thiết bị	4.865.069.245	7.879.959.245

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico		
Cho vay	3.022.408.000	3.022.408.000
Cổ tức phải thu	5.007.035.200	3.022.408.000
Lãi dự thu	453.361.200	264.460.000
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre		
Bán sản phẩm Bê tông	1.531.194.599	1.531.194.599
Vay hộ	2.109.460.846	2.109.460.846
Cổ tức phải thu	87.043.333	87.043.333
Cho mượn	100.000.000	100.000.000
Công ty cổ phần bê tông 620 Bình Minh		
Bán sản phẩm bê tông	201.909.131	201.909.131
Cổ tức được chia	3.000.000.000	3.000.000.000
Thu hồi vốn góp của Công ty cổ phần Cảng Bình Minh	3.274.620.871	3.274.620.871
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu		
Thi công công trình	3.531.893.485	3.531.893.485
Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6 – TNHH MTV		
Thi công công trình	1.071.293.987	1.071.293.987
Công ty cổ phần bê tông 620 Long An		
Cổ tức được chia	1.920.000.000	920.000.000
Trả trước tiền thi công công trình	1.642.933.138	
Công ty TNHH vật liệu xây dựng Việt Nam		
Thi công công trình	8.461.027.804	8.188.771.804
Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt		
Lãi dự thu	-	4.148.867.449
Cho vay	-	89.063.296.562
Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An		
Thi công công trình	24.134.165.301	45.198.078.804
Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB		
Ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	11.612.873.160	-
Cộng nợ phải thu	79.526.289.300	177.615.666.116
Công ty cổ phần Beton 6 Miền Trung		
Thi công công trình	1.399.097.960	-
Công ty cổ phần xây dựng giao thông Beton 6		
Thi công công trình	710.598.334	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu		
Thuê giám sát, thí nghiệm	344.133.328	763.740.985
Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An		
Ứng trước thi công công trình	63.767.053.575	48.345.258.971
Mua nguyên vật liệu	-	7.621.146.280
Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB		
Mua nguyên vật liệu	-	2.268.484.882
Công ty cổ phần Vinafco		
Thi công công trình	150.000.000	2.362.679.616
Công ty cổ phần Tri Việt Hội An		
Ứng trước tiền thi công công trình	60.707.480.090	183.641.570.899
Cộng nợ phải trả	127.078.363.287	245.002.881.633

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động xây dựng.
- Hoạt động bán sản phẩm bê tông.
- Hoạt động khác bao gồm: bán vật tư, dịch vụ lao phóng và vận chuyển

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 2 đính kèm

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

4. Thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng tại tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.929.608.944	3.890.753.712
Trên 1 năm đến 5 năm	9.332.821.242	13.131.293.778
Cộng	13.262.430.186	17.022.047.490

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên phối hợp với phòng Kinh doanh theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn hoặc bị giảm giá	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.928.058.999	-	68.928.058.999
Phải thu khách hàng	517.640.928.296	16.813.057.919	534.453.986.215
Các khoản cho vay	56.331.408.000	-	56.331.408.000
Các khoản phải thu khác	115.926.622.203	2.296.504.179	118.223.126.382
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	60.106.510.000	-	60.106.510.000
Cộng	818.933.527.498	19.109.562.098	838.043.089.596

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có

18.0
TY
HỮU H
N VÀ
N
CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	565.411.280.513	10.032.621.069	575.443.901.582
Phải trả người bán	336.954.379.981	15.500.412.120	352.454.792.101
Các khoản phải trả khác	32.475.456.210	-	32.475.456.210
Cộng	934.841.116.704	25.533.033.189	960.374.149.893
Số đầu năm			
Vay và nợ	624.792.158.251	16.710.296.288	641.502.454.539
Phải trả người bán	214.761.700.553	45.543.158.799	260.304.859.352
Các khoản phải trả khác	50.731.188.787	14.497.646.625	65.228.835.412
Cộng	890.285.047.591	76.751.101.712	967.036.149.303

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa và nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

Nợ phải trả thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	111,15	13.000,70
Vay và nợ	-	(3.368.931,27)
Phải trả người bán	(4.288.611,79)	(4.640.811,96)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(4.288.500,64)	(7.996.742,53)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản cho vay	53.309.000.000	34.010.000.000
Vay và nợ	(530.610.428.238)	(572.222.592.032)
Nợ phải trả thuần	(477.301.428.238)	(538.212.592.032)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 7.159.521.424 VND (năm trước giảm/tăng 7.023.097.066 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa và nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng (xem thuyết minh số V.1)	31.385.156.159	15.657.262.483
Cổ phiếu	16.000.000.000	-
Cộng	47.385.156.159	15.657.262.483

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.928.058.999	-	52.008.013.002	-	68.928.058.999	52.008.013.002
Phải thu khách hàng	534.453.986.215	(15.069.780.017)	540.774.135.874	(17.053.234.571)	519.384.206.198	523.720.901.303
Các khoản cho vay	56.331.408.000	-	126.095.704.562	-	56.331.408.000	126.095.704.562
Các khoản phải thu khác	118.223.126.382	(2.296.504.179)	35.367.778.340	(2.296.504.179)	115.926.622.203	33.071.274.161
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	60.106.510.000	(31.787.119.923)	122.550.239.400	(31.877.082.423)	28.319.390.077	90.673.156.977
Cộng	838.043.089.596	(49.153.404.119)	876.795.871.178	(51.226.821.173)	788.889.685.477	825.569.050.005

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	530.610.428.238	572.222.592.032	530.610.428.238	572.222.592.032
Phải trả người bán	349.846.555.301	254.154.621.300	349.846.555.301	254.154.621.300
Các khoản phải trả khác	31.991.281.836	65.228.835.412	31.991.281.836	65.228.835.412
Cộng	912.448.265.375	891.606.048.744	912.448.265.375	891.606.048.744

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán được ước tính bằng cách chiết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 (TT)

khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Bình Dương, ngày 26 tháng 01 năm 2013



Hồ Thị Ngọc Tuyết
Người lập biểu



Lê Anh Thi
Giám đốc Tài chính



Bình Dương, ngày 26 tháng 01 năm 2013

Hà Thanh Mẫn
Tổng Giám đốc

101
5N
NH
M 1
L
121

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	109.978.500.000	122.689.948.000	841.347.238	120.470.225.205	92.815.096.296	446.795.116.739
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển năm trước	97.267.052.000	-	-	(97.267.052.000)	-	-
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần năm trước	122.689.948.000	(122.689.948.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	47.753.305.880	47.753.305.880
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	33.623.226.005	(42.858.065.005)	(9.234.839.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư của tiền và công nợ ngắn hạn	-	-	(841.347.238)	-	-	(841.347.238)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	-	(3.028.053.115)	-	-	(3.028.053.115)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(32.993.550.000)	(32.993.550.000)
Số dư cuối năm trước	329.935.500.000	-	(3.028.053.115)	56.826.399.210	64.716.787.171	448.450.633.266
Số dư đầu năm nay	329.935.500.000	-	(3.028.053.115)	56.826.399.210	64.716.787.171	448.450.633.266
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	49.252.097.846	49.252.097.846
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	10.458.321.235	(13.760.897.965)	(3.302.576.730)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	-	3.028.053.115	-	-	3.028.053.115
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(16.496.775.000)	(16.496.775.000)
Số dư cuối năm nay	329.935.500.000	-	-	67.284.720.445	83.711.212.052	480.931.432.497

Bình Dương, ngày 26 tháng 01 năm 2013



(Handwritten signature)

Lê Anh Thi
Giám đốc Tài chính

(Handwritten signature)

Hồ Thị Ngọc Tuyết
Người lập biểu



Hà Thanh Mẫn
Tổng Giám đốc

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây dựng	Sản phẩm bê tông	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	740.684.624.772	484.194.621.853	17.721.302.551	-	1.242.600.549.176
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	740.684.624.772	484.194.621.853	17.721.302.551	-	1.242.600.549.176
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	109.863.493.833	76.262.781.208	(5.306.863.256)	-	180.819.411.785
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(52.547.475.052)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					128.271.936.733
Doanh thu hoạt động tài chính					17.711.773.801
Chi phí tài chính					(112.166.690.172)
Thu nhập khác					32.756.486.465
Chi phí khác					(2.108.463.859)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(13.743.654.226)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.469.290.896)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					49.252.097.846
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	541.280.000	7.173.069.935	3.510.998.241	-	11.225.348.176
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.126.603.460	10.084.823.581	2.621.805.712	-	19.833.232.753
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	181.843.900	184.389.642	-	366.233.542

THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TT)

	Xây dựng	Sản phẩm bê tông	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	620.402.621.360	507.819.799.771	80.614.673.886	-	1.208.837.095.017
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	620.402.621.360	507.819.799.771	80.614.673.886	-	1.208.837.095.017
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	128.374.367.372	81.343.719.842	10.251.804.936	-	219.969.892.150
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(63.203.763.433)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					156.766.128.717
Doanh thu hoạt động tài chính					17.119.100.516
Chi phí tài chính					(116.589.752.039)
Thu nhập khác					8.720.713.555
Chi phí khác					(2.652.621.713)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(16.800.799.404)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					1.190.536.248
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					47.753.305.880
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	14.800.148.806	158.939.881.861	7.110.108.098	-	180.850.138.765
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.056.327.970	10.649.005.365	1.931.086.556	-	18.636.419.891
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	4.017.746.816	6.516.934.424	-	-	10.534.681.240



Bình Dương, ngày 26 tháng 01 năm 2013



(Handwritten signature)

Lê Anh Thi
Giám đốc Tài chính

(Handwritten signature)

Hồ Thị Ngọc Tuyết
Người lập biểu

Phụ lục 2: THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây dựng	Bê tông	Khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	557.928.942.206	438.933.596.756	64.622.057.491	1.061.484.596.453
Tài sản phân bổ cho bộ phận	21.674.506.915	26.695.477.461	2.053.835.750	50.423.820.126
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				489.098.942.594
Tổng tài sản				1.601.007.359.173
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	149.286.045.681	120.111.782.826	9.165.717.205	278.563.545.712
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận		-		-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				841.512.380.964
Tổng nợ phải trả				1.120.075.926.676
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	442.602.928.344	446.176.890.133	83.922.921.867	972.702.740.344
Tài sản phân bổ cho bộ phận	23.146.696.311	39.530.369.944	2.378.117.894	65.055.184.149
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				610.263.920.038
Tổng tài sản				1.648.021.844.531
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	283.881.137.459	137.026.754.439	13.732.151.734	434.640.043.632
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				764.931.167.633
Tổng nợ phải trả				1.199.571.211.265

Bình Dương, ngày 26 tháng 01 năm 2013



Hồ Thị Ngọc Tuyết
Người lập biểu



Lê Anh Thi
Giám đốc Tài chính



Hà Thanh Mẫn
Tổng Giám đốc





Nhà Máy

Km 1877 - QL 1K - P. Bình An - TX Dĩ An - Bình Dương
Tel: (84.650) 375 1617 - Fax: (84.650) 375 1628

Văn Phòng

Tầng 14, Tòa Nhà Green Power,
#35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP.HCM
Tel: (84.8) 39 11 96 96 - Fax: (84.8) 39 11 92 92